

ĐỀ ÁN

**SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ
CỦA THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG NĂM 2025**

Căn cứ Nghị quyết Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII; các Kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư: số 127-KL/TW ngày 28/02/2025 về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; Kết luận số 137-KL/TW ngày 28/3/2025 về Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính (viết tắt là ĐVHC) các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp; Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 65/2025/QH15; Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC năm 2025; Nghị quyết số 74/NQ-CP ngày 07/4/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch sắp xếp ĐVHC, xây dựng mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, UBND thành phố Đà Nẵng xây dựng Đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã của thành phố Đà Nẵng năm 2025 như sau:

Phần I

**CĂN CỨ CHÍNH TRỊ, PHÁP LÝ VÀ SỰ CẦN THIẾT
SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ**

I. CĂN CỨ CHÍNH TRỊ, PHÁP LÝ

1. Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013;
2. Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12/4/2025 của Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII;
3. Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả;
4. Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị;
5. Kết luận số 137-KL/TW ngày 28/3/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về Đề án sắp xếp, tổ chức lại ĐVHC các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp;

6. Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 65/2025/QH15;

7. Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC năm 2025;

8. Nghị quyết số 74/NQ-CP ngày 07/4/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch sắp xếp ĐVHC, xây dựng mô hình chính quyền địa phương 02 cấp;

9. Quyết định số 759/QĐ-TTg ngày 14/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp;

10. Nghị quyết số 28-NQ/TU ngày 23/4/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố Đà Nẵng về sắp xếp ĐVHC cấp xã của thành phố Đà Nẵng;

11. Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 26/4/2025 của HĐND thành phố Đà Nẵng về việc tán thành chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của thành phố Đà Nẵng năm 2025.

II. SỰ CẦN THIẾT SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ CỦA THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Thành phố Đà Nẵng được chia tách từ tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng từ ngày 01/01/1997. Quá trình xây dựng phát triển kinh tế - xã hội; chia, tách, thành lập mới ĐVHC cấp huyện, cấp xã đến nay đã mang lại những kết quả tích cực, như việc quản lý của chính quyền gần dân hơn, tăng cường đầu tư từ ngân sách nhà nước nên kinh tế - xã hội của các địa phương có những biến chuyển rõ rệt; công tác quy hoạch đô thị, quản lý, chỉnh trang đô thị được tập trung, chú trọng và đẩy mạnh, làm thay đổi bộ mặt đô thị của thành phố Đà Nẵng và các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã. Tuy nhiên, việc chia nhỏ các ĐVHC dẫn đến bộ máy hành chính phình to, tăng biên chế, lãng phí đầu tư công, làm phân tán nguồn lực, tiềm năng của các địa phương cho phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt là nhiều ĐVHC cấp xã quy mô diện tích nhỏ, không gian phát triển bị chia cắt, gây ra nhiều khó khăn, cản trở trong công tác lập quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội. Mặt khác, việc có nhiều ĐVHC cấp xã quy mô nhỏ cũng làm cho bộ máy của các tổ chức trong hệ thống chính trị thêm cồng kềnh, làm lãng phí nguồn ngân sách cho đầu tư xây dựng trụ sở làm việc, chi lương và hoạt động của bộ máy... Trong khi nhiều ĐVHC cấp xã thu ngân sách chưa đủ cân đối chi thường xuyên.

Mặc dù đã triển khai sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã theo Nghị quyết số 1251/NQ-UBTVQH15 ngày 24/10/2024 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã của thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2023 - 2025 nhưng số lượng ĐVHC cấp xã của thành phố Đà Nẵng vẫn còn nhiều (47 ĐVHC cấp xã); trong đó có nhiều ĐVHC cấp xã chưa đảm bảo tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên, quy mô dân số, thiếu không gian phát triển.

Để khắc phục những bất cập, tồn tại, hạn chế nêu trên, triển khai thực hiện các nghị quyết của Đảng về đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của bộ máy nhà nước; về tiếp tục đổi mới, hoàn thiện hệ thống

chính trị từ Trung ương đến cơ sở; về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; đặc biệt là triển khai thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương khóa XII; Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư; Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, việc thực hiện sắp xếp các ĐVHC cấp xã năm 2025 của thành phố Đà Nẵng là hết sức cần thiết. Việc sắp xếp ĐVHC cấp xã phải đảm bảo theo định hướng của Trung ương, là việc thành lập, giải thể, nhập, chia ĐVHC, điều chỉnh địa giới ĐVHC cấp xã để bảo đảm có số lượng, quy mô phù hợp, giảm khoảng 60% đến 70% số lượng ĐVHC cấp xã so với hiện nay, đáp ứng yêu cầu tổ chức chính quyền địa phương cấp xã gần dân, sát dân, hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả.

Phần II

HIỆN TRẠNG ĐVHC CỦA THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

I. THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

1. Diện tích tự nhiên (km²)¹: 1.292,31 km².

2. Quy mô dân số (người): 1.318.481 người, trong đó dân số thường trú là 1.135.693 người và dân số tạm trú là 182.788 người².

3. Số lượng ĐVHC cấp huyện: 08 ĐVHC cấp huyện bao gồm 06 quận và 02 huyện.

4. Số lượng ĐVHC cấp xã: 47 ĐVHC cấp xã bao gồm 36 phường và 11 xã.
(Thống kê hiện trạng ĐVHC cấp xã tại Phụ lục 1 đính kèm)

II. SỐ LƯỢNG ĐVHC CẤP XÃ THỰC HIỆN SẮP XẾP: 47 ĐVHC cấp xã

III. SỐ LƯỢNG ĐVHC CẤP XÃ KHÔNG THỰC HIỆN SẮP XẾP:
Không có

Phần III

PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ CỦA THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

I. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ

¹ Công văn số 1438/SNNMT-QLKT&PTNT ngày 21/04/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc phối hợp cung cấp số liệu về diện tích tự nhiên để xây dựng Đề án sắp xếp ĐVHC cấp tỉnh, cấp xã trên địa bàn thành phố

² Công văn số 364/PC06-Đ2 ngày 28/02/2025 của Công an thành phố về việc cung cấp số liệu về quy mô dân số cấp huyện và cấp xã trên địa bàn thành phố Đà Nẵng tính đến thời điểm ngày 31/12/2024

(Phương án sắp xếp ĐVHC cấp xã theo Phụ lục 2 đính kèm)

1. Điều chỉnh địa giới ĐVHC các xã

Điều chỉnh một phần diện tích tự nhiên (8,40 km²) và một phần quy mô dân số (1.342 người) của xã Hòa Liên (thuộc huyện Hòa Vang hiện nay) để nhập vào xã Hòa Bắc (thuộc huyện Hòa Vang hiện nay)

a) Kết quả sau sắp xếp, điều chỉnh địa giới hành chính

- Xã Hòa Liên còn lại có diện tích tự nhiên là: 30,81 km², quy mô dân số là: 16.178 người. Phần diện tích tự nhiên và quy mô dân số của xã Hòa Liên còn lại sau điều chỉnh địa giới ĐVHC sẽ nhập nguyên trạng với phường: Hòa Khánh Bắc để thành lập phường mới (phường Liên Chiểu theo phương án tại nội dung 2. khoản 2 Mục I Phần III Đề án này).

- Xã Hòa Bắc có diện tích tự nhiên là: 352,55 km², quy mô dân số là: 5.879 người. Phần diện tích tự nhiên và quy mô dân số của xã Hòa Bắc sau điều chỉnh địa giới ĐVHC sẽ nhập nguyên trạng với 02 phường: Hòa Hiệp Bắc, Hòa Hiệp Nam để thành lập phường mới (phường Hải Vân theo phương án tại nội dung 2.12 khoản 2 Mục I Phần III Đề án này).

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

Việc thực hiện điều chỉnh một phần diện tích tự nhiên và quy mô dân số từ xã Hòa Liên sang xã Hòa Bắc để giải quyết được vấn đề còn bất hợp lý về phân định địa giới ĐVHC do biến động địa giới hành chính do mở rộng phát triển địa bàn, phát triển đô thị gắn với quá trình phát triển kinh tế - xã hội (*không phải mục đích điều chỉnh địa giới ĐVHC để ĐVHC cấp xã đảm bảo tiêu chuẩn và không phải thực hiện sắp xếp*), qua đó tạo thuận lợi hơn cho việc sáp nhập các phường, xã sau khi điều chỉnh địa giới hành chính, tạo thuận lợi cho công tác quản lý nhà nước ở địa phương (*phần diện tích tự nhiên để xuất điều chỉnh từ xã Hòa Liên nhập vào xã Hòa Bắc hiện nay đang được chia cắt với phần còn lại của xã Hòa Liên bởi sông, việc điều chỉnh địa giới ĐVHC sẽ tạo thuận lợi cho việc di chuyển từ phường Hòa Hiệp Bắc sang xã Hòa Bắc, thuận lợi cho việc sáp nhập phường, xã*). Sau khi điều chỉnh địa giới ĐVHC sẽ tiếp tục thực hiện nhập nguyên trạng xã Hòa Liên với phường Hòa Khánh Bắc và nhập nguyên trạng xã Hòa Bắc với các phường: Hòa Hiệp Bắc, Hòa Hiệp Nam để đảm bảo giảm số lượng ĐVHC cấp xã.

2. Thành lập các phường, xã

2.1. Thành lập phường Hải Châu trên cơ sở nhập nguyên trạng 05 phường: Thanh Bình, Thuận Phước, Thạch Thang, Hải Châu, Phước Ninh (thuộc quận Hải Châu hiện nay)

a) Kết quả sau sắp xếp

- Phường Hải Châu có diện tích tự nhiên là 7,58 km² (đạt 137,82% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 131.427 người (đạt 292,06% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Phường Thanh Khê (mới), phường Hòa Cường (mới), phường An Hải (mới), phường Sơn Trà (mới).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trụ sở khối đảng, mặt trận, đoàn thể đặt tại trụ sở Quận ủy Hải Châu hiện nay, trụ sở khối chính quyền (HĐND và UBND) đặt tại trụ sở phường Phước Ninh hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

Việc nhập 05 phường: Thanh Bình, Thuận Phước, Thạch Thang, Hải Châu, Phước Ninh thành 01 phường mới đảm bảo yêu cầu giảm số lượng, tăng quy mô ĐVHC; tính liên cư, liên địa, thông suốt trong công tác quản lý nhà nước, thuận lợi trong quản lý dân cư; đảm bảo sự tương đồng về lịch sử, văn hóa, cư dân cũng như sự phát triển kinh tế - xã hội. Tiêu chuẩn phường mới đảm bảo theo định hướng tại Điều 5 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; việc đặt tên phường mới phù hợp với quy định tại Điều 7 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Về trụ sở làm việc của phường mới thì sử dụng trụ sở Quận ủy Hải Châu và trụ sở phường Phước Ninh hiện nay để bố trí cho khối đảng, mặt trận, đoàn thể và khối chính quyền để tận dụng cơ sở vật chất hiện có. Đối với trụ sở các phường còn lại thì dự kiến bố trí làm trụ sở công an, trạm y tế, đơn vị sự nghiệp cấp xã hoặc các cơ quan, đơn vị cấp thành phố khi hợp nhất tỉnh Quảng Nam và thành phố Đà Nẵng.

2.2. Thành lập phường Hòa Cường trên cơ sở nhập nguyên trạng 04 phường: Bình Thuận, Hòa Thuận Tây, Hòa Cường Bắc, Hòa Cường Nam (thuộc quận Hải Châu hiện nay)

a) Kết quả sau sắp xếp

- Phường Hòa Cường có diện tích tự nhiên là 15,72 km² (đạt 285,82% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 119.363 người (đạt 265,25% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Phường Hải Châu (mới), phường Thanh Khê (mới), phường An Khê (mới), phường Cẩm Lệ (mới), phường Hòa Xuân (mới), phường Ngũ Hành Sơn (mới), phường An Hải (mới).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trụ sở khối đảng, mặt trận, đoàn thể đặt tại trụ sở phường Hòa Thuận Tây hiện nay, trụ sở khối chính quyền (HĐND và UBND) đặt tại trụ sở phường Hòa Cường Bắc hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

Việc nhập 04 phường: Bình Thuận, Hòa Thuận Tây, Hòa Cường Bắc, Hòa Cường Nam thành 01 phường mới đảm bảo yêu cầu giảm số lượng, tăng quy mô ĐVHC; tính liên cư, liên địa, thông suốt trong công tác quản lý nhà nước, thuận lợi trong quản lý dân cư; đảm bảo sự tương đồng về lịch sử, văn hóa, cư dân cũng như sự phát triển kinh tế - xã hội. Tiêu chuẩn phường mới đảm bảo theo định hướng tại Điều 5 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ

Quốc hội; việc đặt tên phường mới phù hợp với quy định tại Điều 7 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Về trụ sở làm việc của phường mới thì sử dụng trụ sở phường Hòa Thuận Tây và trụ sở phường Hòa Cường Bắc hiện nay để bố trí cho khối đảng, mặt trận, đoàn thể và khối chính quyền để tận dụng cơ sở vật chất hiện có. Đối với trụ sở các phường còn lại thì dự kiến bố trí làm trụ sở công an, trạm y tế, đơn vị sự nghiệp cấp xã hoặc các cơ quan, đơn vị cấp thành phố khi hợp nhất tỉnh Quảng Nam và thành phố Đà Nẵng.

2.3. Thành lập phường Thanh Khê trên cơ sở nhập nguyên trạng 05 phường: Xuân Hà, Chính Gián, Thạc Gián, Thanh Khê Đông, Thanh Khê Tây (thuộc quận Thanh Khê hiện nay)

a) Kết quả sau sắp xếp

- Phường Thanh Khê có diện tích tự nhiên là 7,92 km² (đạt 144,00% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 201.240 người (đạt 447,20% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Phường Hòa Khánh (mới), phường An Khê (mới), phường Hòa Cường (mới), phường Hải Châu (mới).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trụ sở Trung tâm hành chính quận Thanh Khê hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

Việc nhập 05 phường: Xuân Hà, Chính Gián, Thạc Gián, Thanh Khê Đông, Thanh Khê Tây thành 01 phường mới đảm bảo yêu cầu giảm số lượng, tăng quy mô ĐVHC; tính liên cư, liên địa, thông suốt trong công tác quản lý nhà nước, thuận lợi trong quản lý dân cư; đảm bảo sự tương đồng về lịch sử, văn hóa, cư dân cũng như sự phát triển kinh tế - xã hội. Tiêu chuẩn phường mới đảm bảo theo định hướng tại Điều 5 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; việc đặt tên phường mới phù hợp với quy định tại Điều 7 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Về trụ sở làm việc của phường mới thì sử dụng trụ sở Trung tâm hành chính quận Thanh Khê hiện nay để tận dụng cơ sở vật chất hiện có. Đối với trụ sở các phường hiện nay thì dự kiến bố trí làm trụ sở công an, trạm y tế, đơn vị sự nghiệp cấp xã hoặc các cơ quan, đơn vị cấp thành phố khi hợp nhất tỉnh Quảng Nam và thành phố Đà Nẵng.

2.4. Thành lập phường An Khê trên cơ sở nhập nguyên trạng phường An Khê (thuộc quận Thanh Khê hiện nay) và 02 phường: Hòa An, Hòa Phát (thuộc quận Cẩm Lệ hiện nay)

a) Kết quả sau sắp xếp

- Phường An Khê có diện tích tự nhiên là 12,36 km² (đạt 224,73% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 93.625 người (đạt 208,06% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Phường Thanh Khê (mới), phường Hòa Khánh (mới), phường Cẩm Lệ (mới), phường Hòa Cường (mới), xã Bà Nà (mới).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trụ sở khối đảng, mặt trận, đoàn thể đặt tại trụ sở phường Hòa An hiện nay, trụ sở khối chính quyền (HĐND và UBND) đặt tại trụ sở phường An Khê hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

Việc nhập 03 phường: An Khê, Hòa An, Hòa Phát thành 01 phường mới đảm bảo yêu cầu giảm số lượng, tăng quy mô ĐVHC; tính liên cư, liên địa, thông suốt trong công tác quản lý nhà nước, thuận lợi trong quản lý dân cư; đảm bảo sự tương đồng về lịch sử, văn hóa, cư dân cũng như sự phát triển kinh tế - xã hội. Tiêu chuẩn phường mới đảm bảo theo định hướng tại Điều 5 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; việc đặt tên phường mới phù hợp với quy định tại Điều 7 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Về trụ sở làm việc của phường mới thì sử dụng trụ sở phường Hòa An và trụ sở phường An Khê hiện nay để bố trí cho khối đảng, mặt trận, đoàn thể và khối chính quyền để tận dụng cơ sở vật chất hiện có. Đối với trụ sở phường Hòa Phát thì dự kiến bố trí làm trụ sở công an, trạm y tế, đơn vị sự nghiệp cấp xã hoặc các cơ quan, đơn vị sự nghiệp cấp thành phố khi hợp nhất tỉnh Quảng Nam và thành phố Đà Nẵng.

2.5. Thành lập phường An Hải trên cơ sở nhập nguyên trạng 03 phường: Phước Mỹ, An Hải Bắc, An Hải Nam (thuộc quận Sơn Trà hiện nay)

a) Kết quả sau sắp xếp

- Phường An Hải có diện tích tự nhiên là 7,37 km² (đạt 134,00% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 82.635 người (đạt 183,63% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Phường Hải Châu (mới), phường Hòa Cường (mới), phường Ngũ Hành Sơn (mới), phường Sơn Trà (mới).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trụ sở khối đảng, mặt trận, đoàn thể đặt tại trụ sở phường An Hải Bắc hiện nay, trụ sở khối chính quyền (HĐND và UBND) đặt tại trụ sở phường Phước Mỹ hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

Việc nhập 03 phường: Phước Mỹ, An Hải Bắc, An Hải Nam thành 01 phường mới đảm bảo yêu cầu giảm số lượng, tăng quy mô ĐVHC; tính liên cư, liên địa, thông suốt trong công tác quản lý nhà nước, thuận lợi trong quản lý dân cư; đảm bảo sự tương đồng về lịch sử, văn hóa, cư dân cũng như sự phát triển kinh tế - xã hội. Tiêu chuẩn phường mới đảm bảo theo định hướng tại Điều 5 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; việc đặt tên phường mới phù hợp với quy định tại Điều 7 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Về trụ sở làm việc của phường mới thì sử dụng trụ sở phường An Hải Bắc và trụ sở phường Phước Mỹ hiện nay để bố trí cho khối đảng, mặt trận, đoàn thể và khối chính quyền để tận dụng cơ sở vật chất hiện có. Đối với trụ sở phường Phước Mỹ thì dự kiến bố trí làm trụ sở công an cấp xã hoặc trạm y tế cấp xã hoặc các sở, ngành, đơn vị sự nghiệp thuộc thành phố khi nhập tỉnh Quảng Nam và thành phố Đà Nẵng.

2.6. Thành lập phường Sơn Trà trên cơ sở nhập nguyên trạng 03 phường: Thọ Quang, Nại Hiên Đông, Mân Thái (thuộc quận Sơn Trà hiện nay)

a) Kết quả sắp xếp

- Phường Sơn Trà có diện tích tự nhiên là 56,03 km² (đạt 1018,73% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 86.890 người (đạt 193,09% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Phường Hải Châu (mới), phường An Hải (mới).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trụ sở khối đảng, mặt trận, đoàn thể đặt tại trụ sở phường Mân Thái hiện nay, trụ sở khối chính quyền (HĐND và UBND) đặt tại trụ sở phường Thọ Quang hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

Việc nhập 03 phường: Thọ Quang, Nại Hiên Đông, Mân Thái thành 01 phường mới đảm bảo yêu cầu giảm số lượng, tăng quy mô ĐVHC; tính liên cư, liên địa, thông suốt trong công tác quản lý nhà nước, thuận lợi trong quản lý dân cư; đảm bảo sự tương đồng về lịch sử, văn hóa, cư dân cũng như sự phát triển kinh tế - xã hội. Tiêu chuẩn phường mới đảm bảo theo định hướng tại Điều 5 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; việc đặt tên phường mới phù hợp với quy định tại Điều 7 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Về trụ sở làm việc của phường mới thì sử dụng trụ sở phường Thọ Quang và trụ sở phường Mân Thái hiện nay để bố trí cho khối đảng, mặt trận, đoàn thể và khối chính quyền để tận dụng cơ sở vật chất hiện có. Đối với trụ sở phường Nại Hiên Đông thì dự kiến bố trí làm trụ sở công an cấp xã hoặc trạm y tế cấp xã hoặc các sở, ngành, đơn vị sự nghiệp thuộc thành phố khi nhập tỉnh Quảng Nam và thành phố Đà Nẵng.

2.7. Thành lập phường Ngũ Hành Sơn trên cơ sở nhập nguyên trạng 04 phường: Mỹ An, Khuê Mỹ, Hòa Hải, Hòa Quý (thuộc quận Ngũ Hành Sơn hiện nay)

a) Kết quả sau sắp xếp

- Phường Ngũ Hành Sơn có diện tích tự nhiên là 40,19 km² (đạt 730,73% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 115.944 người (đạt 257,65% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Phường An Hải (mới), phường Hòa Cường (mới), phường Hòa Xuân (mới) và ĐVHC cấp xã thuộc tỉnh Quảng Nam.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trụ sở Trung tâm hành chính quận Ngũ Hành Sơn hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

Việc nhập 04 phường: Mỹ An, Khuê Mỹ, Hòa Hải, Hòa Quý thành 01 phường mới đảm bảo yêu cầu giảm số lượng, tăng quy mô ĐVHC; tính liên cư, liên địa, thông suốt trong công tác quản lý nhà nước, thuận lợi trong quản lý dân cư; đảm bảo sự tương đồng về lịch sử, văn hóa, cư dân cũng như sự phát triển kinh tế - xã hội. Tiêu chuẩn phường mới đảm bảo theo định hướng tại Điều 5 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; việc đặt tên phường mới phù hợp với quy định tại Điều 7 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Về trụ sở làm việc của phường mới thì sử dụng trụ sở Trung tâm hành chính quận Ngũ Hành Sơn hiện nay để tận dụng cơ sở vật chất hiện có. Đối với trụ sở các phường hiện nay thì dự kiến bố trí làm trụ sở công an, trạm y tế, đơn vị sự nghiệp cấp xã hoặc các cơ quan, đơn vị cấp thành phố khi hợp nhất tỉnh Quảng Nam và thành phố Đà Nẵng.

2.8. Thành lập phường Hòa Khánh trên cơ sở nhập nguyên trạng 02 phường: Hòa Khánh Nam, Hòa Minh (thuộc quận Liên Chiểu hiện nay) và xã Hòa Sơn (thuộc huyện Hòa Vang hiện nay)

a) Kết quả sau sắp xếp

- Phường Hòa Khánh có diện tích tự nhiên là 40,93 km² (đạt 744,18% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 112.518 người (đạt 250,04% so với tiêu chuẩn).

- ĐVHC cùng cấp liên kề: Phường Liên Chiểu (mới), phường An Khê (mới), phường Thanh Khê (mới), xã Bà Nà (mới).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trụ sở khối đảng, mặt trận, đoàn thể đặt tại trụ sở xã Hòa Khánh Nam hiện nay, trụ sở khối chính quyền (HĐND và UBND) đặt tại trụ sở phường Hòa Minh hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

Việc nhập 02 phường: Hòa Minh, Hòa Khánh Nam và xã Hòa Sơn thành 01 phường mới đảm bảo yêu cầu giảm số lượng, tăng quy mô ĐVHC; tính liên cư, liên địa, thông suốt trong công tác quản lý nhà nước, thuận lợi trong quản lý dân cư; đảm bảo sự tương đồng về lịch sử, văn hóa, cư dân cũng như sự phát triển kinh tế - xã hội. Đây là trường hợp sắp xếp ĐVHC phường với xã theo khoản 3 Điều 1 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội để mở rộng không gian phát triển; kết hợp không gian lõi đô thị Liên Chiểu và khu vực xã Hòa Sơn liên kề đã có hạ tầng phát triển và được công nhận đạt tiêu chuẩn đô thị loại V; liên kết, hỗ trợ cùng phát triển; giải tỏa áp lực giữa khu vực đông

dân cư, có trường đại học với khu vực còn nhiều dư địa phát triển xã Hòa Sơn, kết nối với các xã còn lại huyện Hòa Vang; phù hợp định hướng phát triển quy hoạch không gian đô thị của khu vực trung tâm Liên Chiểu và liên kề thuộc Hòa Vang. Về yếu tố lịch sử truyền thống: các phường, xã trong phương án đều thuộc huyện Hòa Vang trước đây. Tiêu chuẩn phường mới đảm bảo theo định hướng tại Điều 5 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; việc đặt tên phường mới phù hợp với quy định tại Điều 7 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Về trụ sở làm việc của phường mới thì sử dụng trụ sở phường Hòa Khánh Nam và trụ sở phường Hòa Minh hiện nay để bố trí cho khối đảng, mặt trận, đoàn thể và khối chính quyền để tận dụng cơ sở vật chất hiện có. Đối với trụ sở xã Hòa Sơn thì dự kiến bố trí làm trụ sở công an, trạm y tế, đơn vị sự nghiệp cấp xã hoặc các cơ quan, đơn vị cấp thành phố khi hợp nhất tỉnh Quảng Nam và thành phố Đà Nẵng.

2.9. Thành lập phường Liên Chiểu trên cơ sở nhập nguyên trạng phường Hòa Khánh Bắc (thuộc quận Liên Chiểu hiện nay) và xã Hòa Liên (thuộc huyện Hòa Vang hiện nay)

a) Kết quả sau sắp xếp

- Phường Liên Chiểu có diện tích tự nhiên là 41,19 km² (đạt 748,91% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 70.628 người (đạt 156,95% so với tiêu chuẩn).
- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Phường Hòa Khánh (mới), phường Hải Vân (mới), xã Bà Nà (mới).
- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trụ sở khối đảng, mặt trận, đoàn thể đặt tại trụ sở xã Hòa Liên hiện nay, trụ sở khối chính quyền (HĐND và UBND) đặt tại trụ sở phường Hòa Khánh Bắc hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

Việc nhập phường Hòa Khánh Bắc và xã Hòa Liên thành 01 phường mới đảm bảo yêu cầu giảm số lượng, tăng quy mô ĐVHC; tính liên cư, liên địa, thông suốt trong công tác quản lý nhà nước, thuận lợi trong quản lý dân cư; đảm bảo sự tương đồng về lịch sử, văn hóa, cư dân cũng như sự phát triển kinh tế - xã hội. Đây là trường hợp sắp xếp ĐVHC phường với xã theo khoản 3 Điều 1 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội để mở rộng không gian phát triển; kết hợp không gian biển với không gian núi rừng; liên kết, hỗ trợ cùng phát triển; phù hợp định hướng phát triển quy hoạch không gian đô thị quận Liên Chiểu hiện nay kết nối với xã Hòa Liên thuộc huyện Hòa Vang, kết nối Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp trên địa bàn phường Hòa Khánh Bắc và xã Hòa Liên, với các dự án đang đầu tư phát triển. Phương án này tạo điều kiện hình thành 01 phường có không gian quy hoạch phát triển và đa dạng. Xã Hòa Liên đã có hạ tầng phát triển và được công nhận đạt tiêu chuẩn đô thị loại V. Về yếu tố lịch sử truyền thống: các phường, xã trong phương án đều thuộc huyện Hòa Vang trước

đây. Tiêu chuẩn phường mới đảm bảo theo định hướng tại Điều 5 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; việc đặt tên phường mới phù hợp với quy định tại Điều 7 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Về trụ sở làm việc của phường mới thì sử dụng trụ sở phường Hòa Khánh Bắc và trụ sở xã Hòa Liên hiện nay để bố trí cho khối đảng, mặt trận, đoàn thể và khối chính quyền để tận dụng cơ sở vật chất hiện có.

2.12. Thành lập phường Hải Vân trên cơ sở nhập nguyên trạng 02 phường: Hòa Hiệp Bắc, Hòa Hiệp Nam (thuộc quận Liên Chiểu hiện nay) và xã Hòa Bắc (thuộc huyện Hòa Vang hiện nay)

a) Kết quả sau sắp xếp

- Phường Hải Vân có diện tích tự nhiên là 406,09 km² (đạt 7.383,45% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 48.992 người (đạt 108,87% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Phường Liên Chiểu (mới), xã Bà Nà (mới) và ĐVHC cấp xã thuộc tỉnh Quảng Nam và thành phố Huế.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trụ sở khối đảng, mặt trận, đoàn thể đặt tại trụ sở phường Hòa Hiệp Bắc hiện nay, trụ sở khối chính quyền (HĐND và UBND) đặt tại trụ sở phường Hòa Hiệp Nam hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

Việc nhập 02 phường: Hòa Hiệp Bắc, Hòa Hiệp Nam và xã Hòa Bắc thành 01 phường mới đảm bảo yêu cầu giảm số lượng, tăng quy mô ĐVHC; tính liên cư, liên địa, thông suốt trong công tác quản lý nhà nước, thuận lợi trong quản lý dân cư; đảm bảo sự tương đồng về lịch sử, văn hóa, cư dân cũng như sự phát triển kinh tế - xã hội. Đây là trường hợp sắp xếp ĐVHC phường với xã theo khoản 3 Điều 1 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội để mở rộng không gian phát triển; kết hợp không gian biển, không gian 2 bờ sông Cu Đê với không gian núi rừng Hòa Bắc, núi rừng Nam Hải Vân, đảo Sơn Chà; liên kết, hỗ trợ cùng phát triển; phù hợp định hướng phát triển quy hoạch không gian đô thị quận Liên Chiểu hiện nay kết nối với xã Hòa Bắc thuộc huyện Hòa Vang, bao gồm Khu Thương mại tự do, Cảng Liên Chiểu, các dự án lớn đang đầu tư phát triển dịch vụ du lịch chất lượng cao. Phương án này tạo điều kiện hình thành 01 phường có không gian quy hoạch phát triển lớn và đa dạng bậc nhất thành phố Đà Nẵng, có du địa để phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch đô thị mới. Về yếu tố lịch sử truyền thống: các phường, xã trong phương án đều thuộc huyện Hòa Vang trước đây. Tiêu chuẩn phường mới đảm bảo theo định hướng tại Điều 5 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; việc đặt tên phường mới phù hợp với quy định tại Điều 7 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Về trụ sở làm việc của phường mới thì sử dụng trụ sở phường Hòa Hiệp Bắc và trụ sở phường Hòa Hiệp Nam hiện nay để bố trí cho khối đảng, mặt trận, đoàn thể và khối chính quyền để tận dụng cơ sở vật chất hiện có. Đối với trụ sở xã Hòa Bắc thì dự kiến bố trí làm trụ sở công an, trạm y tế, đơn vị sự nghiệp cấp xã hoặc các cơ quan, đơn vị cấp thành phố khi hợp nhất tỉnh Quảng Nam và thành phố Đà Nẵng.

2.11. Thành lập phường Cẩm Lệ trên cơ sở nhập nguyên trạng 03 phường: Hòa Thọ Tây, Hòa Thọ Đông, Khuê Trung (thuộc quận Cẩm Lệ hiện nay)

a) Kết quả sau sắp xếp

- Phường Cẩm Lệ có diện tích tự nhiên là 14,05 km² (đạt 255,45% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 78.837 người (đạt 175,19% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Phường Hòa Cường (mới), phường An Khê (mới), phường Hòa Xuân (mới), xã Hòa Vang (mới), xã Hòa Tiến (mới), xã Bà Nà (mới).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trụ sở khối đảng, mặt trận, đoàn thể đặt tại trụ sở phường Hòa Thọ Đông hiện nay, trụ sở khối chính quyền (HĐND và UBND) đặt tại trụ sở phường Khuê Trung hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

Việc nhập 03 phường: Hòa Thọ Tây, Hòa Thọ Đông, Khuê Trung thành 01 phường mới đảm bảo yêu cầu giảm số lượng, tăng quy mô ĐVHC; tính liên cư, liên địa, thông suốt trong công tác quản lý nhà nước, thuận lợi trong quản lý dân cư; đảm bảo sự tương đồng về lịch sử, văn hóa, cư dân cũng như sự phát triển kinh tế - xã hội. Tiêu chuẩn phường mới đảm bảo theo định hướng tại Điều 5 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; việc đặt tên phường mới phù hợp với quy định tại Điều 7 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Về trụ sở làm việc của phường mới thì sử dụng trụ sở các phường: Hòa Thọ Đông, Khuê Trung hiện nay để tận dụng cơ sở vật chất hiện có. Đối với trụ sở phường Hòa Thọ Tây thì dự kiến bố trí làm trụ sở công an, trạm y tế, đơn vị sự nghiệp cấp xã hoặc các cơ quan, đơn vị cấp thành phố khi hợp nhất tỉnh Quảng Nam và thành phố Đà Nẵng.

2.12. Thành lập phường Hòa Xuân trên cơ sở nhập nguyên trạng phường Hòa Xuân (thuộc quận Cẩm Lệ hiện nay) và 02 xã: Hòa Phước, Hòa Châu (thuộc huyện Hòa Vang hiện nay)

a) Kết quả sau sắp xếp

- Phường Hòa Xuân có diện tích tự nhiên là 27,96 km² (đạt 508,36% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 85.580 người (đạt 190,18% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Phường Hòa Cường (mới), phường Cẩm Lệ (mới), phường Ngũ Hành Sơn (mới), xã Hòa Tiến (mới) và ĐVHC cấp xã thuộc tỉnh Quảng Nam.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trụ sở khối đảng, mặt trận, đoàn thể đặt tại trụ sở xã Hòa Châu hiện nay, trụ sở khối chính quyền (HĐND và UBND) đặt tại trụ sở phường Hòa Xuân hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

Việc nhập phường Hòa Xuân và 02 xã: Hòa Phước, Hòa Châu thành 01 phường mới đảm bảo yêu cầu giảm số lượng, tăng quy mô ĐVHC; tính liên cư, liên địa, thông suốt trong công tác quản lý nhà nước, thuận lợi trong quản lý dân cư; đảm bảo sự tương đồng về lịch sử, văn hóa, cư dân cũng như sự phát triển kinh tế - xã hội. Đây là trường hợp sắp xếp ĐVHC phường với xã theo khoản 3 Điều 1 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội để mở rộng không gian phát triển đô thị về phía Nam thành phố; hình thành khu đô thị mới; liên kết, hỗ trợ cùng phát triển. Hiện nay 02 xã: Hòa Phước, Hòa Châu đang phát triển hạ tầng đô thị, đều đã được công nhận tiêu chí đô thị loại V. Về yếu tố lịch sử truyền thống: các phường, xã trong phương án đều thuộc huyện Hòa Vang trước đây, phường Hòa Xuân tách ra từ huyện Hòa Vang để thành lập quận Cẩm Lệ từ năm 2005. Bên cạnh đó, về mặt địa giới hành chính, phường Hòa Xuân biệt lập, chia tách với các phường khác thuộc quận Cẩm Lệ bởi sông Cẩm Lệ; do đó việc nhập 02 xã: Hòa Phước, Hòa Châu liên kề vào phường Hòa Xuân sẽ hình thành phường mới phù hợp về địa giới hành chính, thuận lợi trong thực tiễn quản lý tại địa bàn. Tiêu chuẩn phường mới đảm bảo theo định hướng tại Điều 5 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; việc đặt tên phường mới phù hợp với quy định tại Điều 7 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Về trụ sở làm việc của phường mới thì sử dụng trụ sở phường Hòa Xuân và trụ sở xã Hòa Châu hiện nay để bố trí cho khối đảng, mặt trận, đoàn thể và khối chính quyền để tận dụng cơ sở vật chất hiện có. Đối với trụ sở xã Hòa Phước thì dự kiến bố trí làm trụ sở công an, trạm y tế, đơn vị sự nghiệp cấp xã hoặc các cơ quan, đơn vị cấp thành phố khi hợp nhất tỉnh Quảng Nam và thành phố Đà Nẵng.

2.13. Thành lập xã Hòa Vang trên cơ sở nhập nguyên trạng 02 xã: Hòa Phong, Hòa Phú (thuộc huyện Hòa Vang hiện nay)

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Hòa Vang có diện tích tự nhiên là 107,61 km² (đạt 358,70% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 26.712 người (đạt 166,95% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Phường Cẩm Lệ (mới), xã Hòa Tiến (mới), xã Bà Nà (mới) và ĐVHC cấp xã thuộc tỉnh Quảng Nam.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trụ sở UBND huyện Hòa Vang hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

Việc nhập 02 xã: Hòa Phong, Hòa Phú thành 01 xã mới đảm bảo yêu cầu giảm số lượng, tăng quy mô ĐVHC; tính liên cư, liên địa, thông suốt trong công tác quản lý nhà nước, thuận lợi trong quản lý dân cư; đảm bảo sự tương đồng về lịch sử, văn hóa, cư dân cũng như sự phát triển kinh tế - xã hội. Tiêu chuẩn xã mới đảm bảo theo định hướng tại Điều 5 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; việc đặt tên xã mới phù hợp với quy định tại Điều 7 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Về trụ sở làm việc của xã mới thì sử dụng trụ sở UBND huyện Hòa Vang hiện nay (nằm tại xã Hòa Phong) để tận dụng cơ sở vật chất hiện có. Đối với trụ sở các xã: Hòa Phong, Hòa Phú thì dự kiến bố trí làm trụ sở công an, trạm y tế, đơn vị sự nghiệp cấp xã hoặc các cơ quan, đơn vị cấp thành phố khi hợp nhất tỉnh Quảng Nam và thành phố Đà Nẵng.

2.14. Thành lập xã Hòa Tiến trên cơ sở nhập nguyên trạng 02 xã: Hòa Tiến, Hòa Khương (thuộc huyện Hòa Vang hiện nay)

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Hòa Tiến có diện tích tự nhiên là 65,90 km² (đạt 219,67% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 38.823 người (đạt 242,64% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Phường Cẩm Lệ (mới), phường Hòa Xuân (mới), xã Hòa Vang (mới) và ĐVHC cấp xã thuộc tỉnh Quảng Nam.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trụ sở khối đảng, mặt trận, đoàn thể đặt tại trụ sở xã Hòa Tiến hiện nay, trụ sở khối chính quyền (HĐND và UBND) đặt tại trụ sở xã Hòa Khương hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

Việc nhập 02 xã: Hòa Tiến, Hòa Khương thành 01 xã mới đảm bảo yêu cầu giảm số lượng, tăng quy mô ĐVHC; tính liên cư, liên địa, thông suốt trong công tác quản lý nhà nước, thuận lợi trong quản lý dân cư; đảm bảo sự tương đồng về lịch sử, văn hóa, cư dân cũng như sự phát triển kinh tế - xã hội. Tiêu chuẩn xã mới đảm bảo theo định hướng tại Điều 5 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; việc đặt tên xã mới phù hợp với quy định tại Điều 7 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Về trụ sở làm việc của xã mới thì sử dụng trụ sở xã Hòa Tiến và trụ sở xã Hòa Khương hiện nay để bố trí cho khối đảng, mặt trận, đoàn thể và khối chính quyền để tận dụng cơ sở vật chất hiện có.

2.15. Thành lập xã Bà Nà trên cơ sở nhập nguyên trạng 02 xã: Hòa Ninh, Hòa Nhơn (thuộc huyện Hòa Vang hiện nay)

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Bà Nà có diện tích tự nhiên là 136,41 km² (đạt 454,70% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 25.267 người (đạt 157,92% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Phường Hòa Khánh (mới), phường Liên Chiểu (mới), phường Hải Vân (mới), phường Cẩm Lệ (mới), phường An Khê (mới), xã Hòa Vang (mới) và ĐVHC cấp xã thuộc tỉnh Quảng Nam.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trụ sở xã Hòa Nhơn hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

Việc nhập 02 xã: Hòa Ninh, Hòa Nhơn thành 01 xã mới đảm bảo yêu cầu giảm số lượng, tăng quy mô ĐVHC; tính liên cư, liên địa, thông suốt trong công tác quản lý nhà nước, thuận lợi trong quản lý dân cư; đảm bảo sự tương đồng về lịch sử, văn hóa, cư dân cũng như sự phát triển kinh tế - xã hội. Tiêu chuẩn xã mới đảm bảo theo định hướng tại Điều 5 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; việc đặt tên xã mới phù hợp với quy định tại Điều 7 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Về trụ sở làm việc của xã mới thì sử dụng trụ sở xã Hòa Nhơn hiện nay để tận dụng cơ sở vật chất hiện có. Đối với trụ sở xã Hòa Ninh thì dự kiến bố trí làm trụ sở công an cấp xã hoặc trạm y tế cấp xã hoặc các sở, ngành, đơn vị sự nghiệp thuộc thành phố khi nhập tỉnh Quảng Nam và thành phố Đà Nẵng.

3. Hình thành đặc khu Hoàng Sa

Theo quy định sẽ chấm dứt hoạt động ĐVHC cấp huyện, do đó sẽ hình thành đặc khu Hoàng Sa (ĐVHC tương đương cấp xã) trên cơ sở nguyên trạng huyện đảo Hoàng Sa hiện nay.

II. KẾT QUẢ SAU KHI THỰC HIỆN SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ CỦA THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Trên địa bàn thành phố Đà Nẵng dự kiến sắp xếp 47 ĐVHC cấp xã thành 16 ĐVHC cấp xã mới (bao gồm 12 phường, 03 xã và 01 đặc khu Hoàng Sa); giảm 65,96% tổng số ĐVHC cấp xã³ (Phụ lục 3 đính kèm).

III. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP TỔ CHỨC BỘ MÁY, BỐ TRÍ ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC, NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ GIẢI QUYẾT CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH KHI THỰC HIỆN SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ

1. Phương án và lộ trình sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy cơ quan, tổ chức sau sắp xếp ĐVHC

Thực hiện Kết luận số 137-KL/TW ngày 28/3/2025 và Kết luận số 139-KL/TW ngày 28/3/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp; kết thúc hoạt động của đơn vị hành chính cấp huyện hiện nay, trên cơ sở 47 đơn vị hành chính và huyện đảo Hoàng Sa hiện nay, tổ chức lại

³Trường hợp không tính đặc khu Hoàng Sa (hiện nay là cấp huyện) hình thành khi chấm dứt hoạt động ĐVHC cấp huyện thì số lượng ĐVHC cấp xã giảm sau khi thực hiện sắp xếp của thành phố Đà Nẵng là 32 ĐVHC; tương ứng với giảm 68,10% tổng số ĐVHC cấp xã trước khi sắp xếp.

thành 16 đơn vị hành chính cấp xã mới gồm 12 phường, 03 xã và 01 đặc khu Hoàng Sa.

1.1 Phương án sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy cơ quan, tổ chức khối Đảng

Kết thúc hoạt động của đảng bộ quận, huyện hiện nay. Trên cơ sở 47 đảng bộ phường, xã và huyện đảo Hoàng Sa hiện nay, sắp xếp, tổ chức lại thành 15 đảng bộ phường, xã mới và 01 Chi bộ đặc khu Hoàng Sa⁴ theo từng đơn vị hành chính mới sau sắp xếp.

a) Các tổ chức đảng trực thuộc, gồm:

- Các tổ chức đảng đang trực thuộc đảng ủy phường, xã như hiện nay: Công an, Quân sự, trạm y tế, cơ sở giáo dục công lập (Trường THCS, tiểu học, mầm non), doanh nghiệp và khu dân cư.

- Các tổ chức đảng của các Trung tâm y tế (quận/huyện) và các tổ chức đảng của các Trường THPT, Trung tâm Giáo dục thường xuyên có trụ sở đóng chân trên địa bàn được chuyển về khi kết thúc hoạt động của đảng bộ quận, huyện.

- Các tổ chức đảng (bao gồm cả đảng bộ cơ sở) trong các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp có trụ sở đóng chân trên địa bàn được chuyển về khi kết thúc hoạt động của đảng bộ quận, huyện.

- Các tổ chức đảng trong các cơ quan, đơn vị hành chính cơ sở thành lập mới:

- + Đảng bộ (chi bộ) các cơ quan đảng cấp xã (chi bộ trực thuộc hoặc đảng viên đang công tác ở các cơ quan đảng, cơ quan HĐND, cơ quan MTTQVN cấp xã).

- + Đảng bộ (chi bộ) UBND cấp xã (chi bộ trực thuộc hoặc đảng viên đang công tác ở các cơ quan chuyên môn, đơn vị của UBND cấp xã).

b) Cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc đảng ủy có 03 cơ quan, gồm: Cơ quan Ủy ban kiểm tra, văn phòng đảng ủy và ban xây dựng đảng.

c) Số lượng cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy, thường trực cấp ủy thực hiện theo quy định của Trung ương

- Ban chấp hành đảng bộ: Không quá 33 đồng chí.

Gồm các đồng chí trong ban thường vụ đảng ủy; 01 phó trưởng ban xây dựng đảng, 01 phó chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra, chánh văn phòng đảng ủy; cấp trưởng phòng, ban chuyên môn và tương đương thuộc HĐND, UBND; lãnh đạo MTTQ (gồm các tổ chức chính trị - xã hội) cấp xã; bí thư, phó bí thư đảng ủy (chi bộ cơ sở) của các đảng bộ (chi bộ) có tính chất quan trọng, cần sự tập trung lãnh đạo, chỉ đạo.

- Ban thường vụ đảng ủy: Không quá 11 đồng chí.

⁴ Chi bộ đặc khu Hoàng Sa trực thuộc Đảng bộ Sở Nội vụ, thuộc Đảng bộ UBND thành phố.

Định hướng cơ cấu, gồm các đồng chí: Bí thư, phó bí thư; chủ tịch HĐND (bí thư hoặc phó bí thư thường trực kiêm nhiệm); chủ tịch UBND; 01 phó chủ tịch HĐND, 01 phó chủ tịch UBND; chủ nhiệm UBKT, trưởng ban xây dựng đảng; chỉ huy trưởng quân sự, trưởng công an; chủ tịch MTTQ; cơ cấu khác do ban thường vụ xem xét, quyết định.

- Thường trực Đảng ủy: Bí thư, 02 Phó bí thư (01 phó bí thư thường trực và 01 phó bí thư - chủ tịch UBND).

d) Số lượng ủy ban kiểm tra đảng ủy gồm 05 đồng chí (01 chủ nhiệm, 02 phó chủ nhiệm, 02 ủy viên).

đ) Số lượng biên chế và hợp đồng của cơ quan đảng

- Biên chế: dự kiến từ 15 đến 17 người;
- Thường trực đảng ủy: 03 người;
- Văn phòng đảng ủy: 03 đến 04 người;
- Cơ quan UBKT đảng ủy: 05 người;
- Ban xây dựng đảng: 05 đến 06 người;
- Bộ phận phục vụ (lái xe, bảo vệ, phục vụ): 03 đến 04 người (hợp đồng).

Nguồn biên chế phân bổ cho đảng ủy phường, xã: 170 biên chế cán bộ, công chức của các quận ủy, huyện ủy và 149 biên chế cán bộ đảng ủy phường, xã hiện nay (bí thư và các phó bí thư đảng ủy phường, xã). Theo đó, mỗi phường, xã mới bố trí từ 17-28 người, dự kiến dôi dư 42 người so với định mức biên chế sẽ được bố trí, sắp xếp và giải quyết trong vòng 5 năm.

1.2. Phương án sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy, cơ quan, tổ chức khối Mặt trận, đoàn thể

Kết thúc hoạt động của UBMTQVN cấp huyện và các tổ chức chính trị - xã hội cấp huyện; trên cơ sở 47 UBMTTQVN và các tổ chức chính trị - xã hội phường, xã, sắp xếp, tổ chức lại thành 15 UBMTTQVN phường, xã⁵ mới theo từng đơn vị hành chính mới sau sắp xếp.

Thành lập cơ quan Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội phường, xã gồm Chủ tịch, 04 Phó Chủ tịch (Phó Chủ tịch kiêm Chủ tịch Hội phụ nữ, Phó Chủ tịch kiêm Chủ tịch Hội Cựu chiến binh, Phó Chủ tịch kiêm Bí thư Đoàn thanh niên, Phó Chủ tịch kiêm Chủ tịch Hội nông dân hoặc Phó Chủ tịch kiêm Chủ tịch công đoàn) và Văn phòng UBMTTQVN phường, xã có từ 08-10 biên chế.

Nguồn biên chế phân bổ cho cơ quan Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội phường, xã: 105 biên chế cán bộ, công chức của UBMTQVN và các tổ chức chính trị - xã hội quận, huyện và 226 biên chế là chủ tịch UBMTQVN phường, xã và 226 biên chế người đứng đầu các tổ chức chính trị - xã hội phường, xã hiện nay.

⁵ Không tính đặc khu Hoàng Sa

Theo đó, mỗi phường, xã mới bố trí từ 17-30 người, 123 người dôi dư so với định mức biên chế sẽ được bố trí, sắp xếp và giải quyết trong vòng 5 năm.

1.3. Phương án sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy, cơ quan, tổ chức khối chính quyền

Kết thúc hoạt động của HĐND huyện Hòa Vang, UBND các quận, huyện; trên cơ sở 11 HĐND xã thuộc huyện Hòa Vang, 47 UBND phường, xã và huyện đảo Hoàng Sa hiện nay, sắp xếp, tổ chức lại thành chính quyền gồm UBND của 12 phường mới, HĐND và UBND của 03 xã mới và 01 UBND đặc khu Hoàng Sa⁶.

a) Về tổ chức bộ máy các cơ quan hành chính

(1) Về tổ chức bộ máy: Chính quyền địa phương cấp xã gồm có: (1) HĐND cấp xã gồm Ban Pháp chế và Ban Kinh tế - Xã hội và (2) UBND cấp xã có 4 phòng chuyên môn và tương đương gồm:

- Văn phòng HĐND và UBND
- Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị (đối với phường) hoặc Phòng Kinh tế (đối với xã)
- Phòng Văn hóa - Xã hội
- Trung tâm phục vụ hành chính công.

Hiện nay, thành phố Đà Nẵng đang thực hiện tổ chức chính quyền đô thị theo Nghị quyết số 136/2024/QH15 ngày 26/6/2024 của Quốc hội, tại các phường không tổ chức Hội đồng nhân dân. Theo đó, trước mắt tại các xã sắp xếp, sáp nhập với phường để trở thành phường thì chấm dứt hoạt động của Hội đồng nhân dân tại các xã kể từ ngày Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp đối với các xã này có hiệu lực thi hành⁷. HĐND và UBND phường, xã (mới) nhiệm kỳ 2026 - 2031 được tổ chức thống nhất theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương (sửa đổi).

Tại các xã nhập với xã khác thành 01 đơn vị hành chính mới cùng cấp thì đại biểu Hội đồng nhân dân của các đơn vị hành chính cũ được hợp thành Hội đồng nhân dân của đơn vị hành chính mới và tiếp tục hoạt động cho đến khi hết nhiệm kỳ.

(2) Về biên chế

Dự kiến định mức **32** biên chế của chính quyền địa phương cấp xã (gồm HĐND và UBND) được bố trí như sau:

- HĐND cấp xã 03 biên chế gồm 01 PCT HĐND và 02 phó ban chuyên trách (CT HĐND và Trưởng ban chuyên trách là chức danh kiêm nhiệm)

⁶ Chi bộ đặc khu Hoàng Sa trực thuộc Đảng bộ Sở Nội vụ, thuộc Đảng bộ UBND thành phố.

⁷ Thực hiện theo Khoản 3 Điều 49 dự thảo Luật Tổ chức chính quyền địa phương

- UBND cấp xã 02 biên chế gồm 02 PCT UBND (CT UBND-Phó Bí thư đảng ủy cấp xã)

- 04 phòng và tương đương: Lãnh đạo phòng 08 biên chế (Trưởng phòng và 01 phó trưởng phòng); 03 phòng bố trí 04 biên chế; Trung tâm phục vụ hành chính công bố trí 07 biên chế.

Nguồn biên chế phân bổ cho cơ quan chính quyền địa phương phường, xã: 494 biên chế cán bộ, công chức của HĐND huyện Hòa Vang, UBND các quận, huyện và 706 biên chế công chức phường, xã. Theo đó, mỗi phường, xã mới bố trí từ 58-137 người, 632 người dôi dư so với định mức biên chế sẽ được bố trí, sắp xếp và giải quyết trong vòng 5 năm.

b) Về tổ chức các đơn vị sự nghiệp

- Đối với các đơn vị sự nghiệp giáo dục, đào tạo gồm các trường trung học cơ sở, tiểu học, mầm non: Giữ nguyên như hiện nay và chuyển giao cho chính quyền cấp xã quản lý đảm bảo đủ trường lớp cho học sinh trên địa bàn cơ sở.

- Đối với các trạm y tế: Rà soát để thực hiện chuyển giao cho chính quyền cấp xã mới quản lý để đảm bảo chăm sóc sức khỏe cho người dân ngay tại cơ sở.

- Đối với các trung tâm y tế quận, huyện được giao Sở Y tế quản lý như hiện nay để tổ chức cung ứng dịch vụ theo khu vực liên xã, phường.

- Đối với viên chức tại các đơn vị sự nghiệp khác:

+ Sắp xếp, tổ chức 01 đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND cấp xã để cung ứng dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu cho người dân trên địa bàn thuộc lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch, thông tin, truyền thông, quản lý đô thị.

- Sắp xếp lại, tổ chức 01 đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ chi thường xuyên (Ban quản lý dự án, giải phóng mặt bằng, quản lý chợ...) thuộc UBND cấp xã để cung ứng dịch vụ sự nghiệp công thuộc lĩnh vực xây dựng, phát triển quỹ đất, giải phóng mặt bằng, quản lý chợ,... trên địa bàn. Trường hợp cần thiết, UBND thành phố có thể thành lập đơn vị sự nghiệp cấp tỉnh để cung ứng dịch vụ theo khu vực liên xã, phường.

2. Phương án và lộ trình bố trí, sắp xếp cán bộ, công chức, viên chức, người lao động sau sắp xếp ĐVHC

a) Phương án bố trí biên chế cán bộ, công chức tại ĐVHC cấp xã

Căn cứ chủ trương của Bộ Chính trị, Ban Bí thư tại **Khoản 5.2 Kết luận số 137-KL/TW**, khi tổ chức lại thành 19 đơn vị hành chính cấp cơ sở, *trước mắt giữ nguyên* số lượng cán bộ, công chức quận, huyện, phường, xã hiện có là **1.858** người (trung bình 124 người/phường, xã) gồm **1.081** biên chế cán bộ, công chức phường, xã⁸ (trung bình 72 người/phường, xã) và thực hiện điều chuyển tương ứng 777 cán

⁸ Bao gồm khối đảng, mặt trận, chính quyền tại phường, xã

bộ, công chức cấp huyện⁹ (trung bình 52 người/phường, xã) đến công tác tại ĐVHC cấp xã mới sau sắp xếp (*việc điều chuyển công chức quận, huyện không giới hạn trong phạm vi địa giới hành chính của cấp huyện, cấp xã hiện nay*) và thực hiện việc rà soát, tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, bảo đảm **trong thời hạn 5 năm** cơ bản theo đúng quy định.

Nguyên tắc bố trí cán bộ, công chức phường, xã hiện nay:

- CBCC cấp xã: Điều chuyển nguyên trạng số lượng CBCC phường, xã tương ứng được sáp nhập thành ĐVHC mới (gồm cả khối đảng, mặt trận, chính quyền) về ĐVHC phường, xã mới.

- CBCC cấp huyện: Trung bình số lượng cán bộ, công chức bố trí tại 15 phường, xã¹⁰, dự kiến bố trí **11-12** CBCC khối đảng, **07** CBCC khối Mặt trận, đoàn thể và **33** CC khối chính quyền.

- Việc bố trí, sắp xếp, giải quyết cán bộ, công chức dôi dư so với định mức trong thời hạn 05 năm, do vậy, trong thời gian 05 năm hoặc cho đến khi giải quyết xong cán bộ, công chức dôi dư thì tạm thời tiếp tục *không tổ chức tuyển dụng mới công chức*. Đối với các trường hợp giải quyết nghỉ công tác để hưởng chế độ về sắp xếp tổ chức bộ máy sẽ thực hiện đồng thời với việc *thu hồi biên chế*.

- Căn cứ chủ trương của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, chính quyền cấp phường, xã mới hình thành sau sắp xếp là cấp chính quyền có Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân được tổ chức và hoạt động theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương mới kể từ ngày 01/7/2025. Tại điều khoản chuyển tiếp, thành phố Đà Nẵng đang thực hiện chính quyền đô thị, do vậy tại các phường tạm thời chưa tổ chức Hội đồng nhân dân và bố trí chức danh chuyên trách Hội đồng nhân dân phường cho đến khi bầu cử Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ mới. Tuy nhiên trong phương án bố trí vẫn tính số biên chế dự kiến đảm nhận chức danh chuyên trách của Hội đồng nhân dân phường (Phó Chủ tịch Hội đồng dân dân phường, phó của 02 ban Hội đồng dân dân phường).

b) Phương án bố trí biên chế viên chức

- Giữ nguyên **11.119** viên chức tại các đơn vị sự nghiệp giáo dục, đào tạo gồm các trường trung học cơ sở, tiểu học, mầm non hiện nay và chuyển giao cho chính quyền cấp xã quản lý

- Rà soát để thực hiện điều chuyển số lượng viên chức tại các trạm y tế cho chính quyền cấp xã mới quản lý.

- Điều chuyển nguyên trạng 480 viên chức hưởng lương từ nguồn tự chủ của đơn vị¹¹ (bao gồm 101 viên chức ở *Ban Giải phóng mặt bằng* và 180 viên chức *Ban*

⁹ Không bao gồm số dự kiến sẽ nghỉ hưu, thôi việc

¹⁰ Không tính đặc khu Hoàng Sa

¹¹ Việc bố trí bộ máy và biên chế cụ thể tại các phường, xã căn cứ vào khối lượng công việc, số lượng các dự án trên địa bàn

Quản lý dự án đầu tư xây dựng hoặc Ban Quản lý dự án và Giải phóng mặt bằng và 199 viên chức Ban Quản lý các chợ) đến công tác tại đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND cấp xã để cung ứng dịch vụ sự nghiệp công thuộc lĩnh vực xây dựng, phát triển quỹ đất, giải phóng mặt bằng, quản lý chợ hoặc đến công tác tại các đơn vị sự nghiệp thuộc thành phố để tổ chức cung ứng dịch vụ theo khu vực liên phường, xã

- Điều chuyển nguyên trạng 495 viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước (384 viên chức của Đội Kiểm tra Quy tắc đô thị¹² và 111 viên chức của Trung tâm Văn hóa) đến công tác tại đơn vị sự nghiệp cung ứng dịch vụ công ích thuộc UBND phường, xã mới trên cơ sở hợp nhất các đơn vị sự nghiệp công lập hiện có (*mỗi phường, xã bố trí 01 đơn vị sự nghiệp cung ứng dịch vụ công ích*). Riêng đơn vị sự nghiệp ở phường Ngũ Hành Sơn 1 có 85 người của Ban Quản lý khu danh thắng Ngũ Hành Sơn (72 người) và Ban Quản lý Làng đá mỹ nghệ Non Nước quận Ngũ Hành Sơn (13 người).

c) Phương án đối với người hoạt động không chuyên trách

- Kết thúc việc sử dụng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã. Thực hiện chế độ, chính sách của Trung ương (theo Nghị định 29/2023/NĐ-CP đang được sửa đổi, bổ sung) và chế độ, chính sách của thành phố (đã được Ban Thường vụ Thành ủy thống nhất chủ trương và đang trình Hội đồng nhân dân thành phố cho chủ trương về đề nghị xây dựng Nghị quyết).

- Căn cứ nhu cầu, nguyện vọng của người hoạt động không chuyên trách và rà soát khả năng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ để giới thiệu của người hoạt động không chuyên trách tham gia công tác tại tổ dân phố, thôn (Ban Công tác mặt trận, Ban Thanh tra nhân dân, Chi bộ, Tổ dân phố, thôn).

3. Phương án và lộ trình giải quyết chế độ, chính sách sau sắp xếp ĐVHC

a) Thực trạng số lượng cán bộ, công chức hiện nay

- Tổng số cán bộ, công chức quận, huyện, phường, xã hiện nay: **1.858** người (Khối đảng: 319 người, khối Mặt trận, tổ chức chính trị xã hội: 331 người, khối chính quyền 1.200 người), trong đó:

+ Cán bộ, công chức quận, huyện: **777** người¹³ gồm khối đảng: 170 người, khối Mặt trận, tổ chức chính trị xã hội: 105 người, khối chính quyền 494 người và 08 biên chế Hoàng sa

+ Cán bộ, công chức phường, xã: **1.081** người (gồm khối đảng: 149 người, khối Mặt trận, tổ chức chính trị xã hội: 226 người, khối chính quyền 706 người)

- Người hoạt động không chuyên trách phường, xã: **658** người

¹² Đội quy tắc đô thị quận, huyện là đơn vị sự nghiệp công lập đặc thù do thành phố thành lập, trong bộ máy mới cấp sở, ban, ngành và ĐVHC cấp cơ sở mới không quy định tổ chức này

¹³ Không bao gồm **125** CBCC quận, huyện dự kiến nghỉ hưu gồm 30 khối đảng, 16 khối Mặt trận và 79 khối chính quyền

(Phụ lục 4)

b) Dự kiến cán bộ, công chức được bố trí lại theo định mức quy định

Số lượng biên chế cán bộ, công chức bố trí cho ĐVHC cấp xã: 59 cán bộ, công chức để đảm nhận các nhiệm vụ theo chức danh, cơ cấu bố trí của Đảng ủy, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã. Dự kiến tổng số cán bộ, công chức tại 16 ĐVHC cấp xã là 893 người, (trong đó các phường, xã mới là 885 người và Hoàng Sa là 8 người).

- Dự kiến số lượng bố trí lại theo định mức tính trên số lượng cán bộ, công chức cấp huyện, cấp xã $893/1.858$, ước tỷ lệ 48,1%.

c) Dự kiến nghỉ hưu, thôi việc là 168 người.

d) Dự kiến số lượng cán bộ, công chức, không chuyên trách dôi dư, cần giải quyết

- Số lượng cần giải quyết ngay tại thời điểm sáp nhập các ĐVHC cấp xã: 658 người hoạt động không chuyên trách phường, xã.

- Số lượng cán bộ, công chức quận, huyện, phường, xã tiếp tục được bố trí và sẽ giải quyết trong vòng 05 năm là $= 1.858$ (hiện có) - 893 (đã bố trí lại theo định mức quy định của Trung ương) - 168 (nghỉ hưu, thôi việc) = 797, ước tỷ lệ 51,9%.

(Phụ lục 5)

IV. PHƯƠNG ÁN VÀ LỘ TRÌNH SẮP XẾP, XỬ LÝ TRỤ SỞ, TÀI SẢN CÔNG SAU SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ

UBND thành phố đã chỉ đạo rà soát, xây dựng phương án sắp xếp, xử lý trụ sở làm việc của Đảng ủy, UBND cấp xã, trụ sở Công an cấp xã, trụ sở làm việc của Trạm y tế cấp xã; xe ô tô và các tài sản công khác. Các trụ sở, tài sản công tại các ĐVHC phường đều đã có phương án bố trí, tái sử dụng và triển khai thực hiện ngay sau khi Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC cấp xã của thành phố Đà Nẵng có hiệu lực thi hành.

Căn cứ thực trạng số lượng cán bộ, công chức, viên chức sau hợp nhất, sáp nhập tại các đơn vị hành chính mới sẽ bố trí trụ sở là trung tâm hành chính của quận, huyện trước đây hoặc trụ sở của UBND các phường, xã trước đây đảm bảo tận dụng cơ sở vật chất hiện có. Đối với các đơn vị hành chính cấp xã mới hình thành sau hợp nhất, sáp nhập từ 02 đến 03 phường, xã sẽ bố trí 01 trụ sở làm việc của phường, xã hiện có cho khối đảng, mặt trận, đoàn thể và 01 trụ sở làm việc của phường, xã cho khối chính quyền để tận dụng cơ sở vật chất hiện có. Đối với trụ sở các phường còn lại thì dự kiến bố trí làm trụ sở công an, ban chỉ huy quân sự, trạm y tế, đơn vị sự nghiệp cấp xã hoặc các cơ quan, đơn vị cấp thành phố khi hợp nhất tỉnh Quảng Nam và thành phố Đà Nẵng (Phụ lục 6 đính kèm).

V. TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ TRONG VIỆC SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ

1. Đề nghị Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố

a) Xem xét thông qua chủ trương về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã để làm căn cứ hoàn thiện hồ sơ trình Chính phủ xem xét báo cáo ủy ban Thường vụ Quốc hội theo thẩm quyền;

b) Chủ trì hướng dẫn việc tổ chức và hoạt động HĐND các xã khi sáp nhập với các đơn vị hành chính cùng cấp.

2. Đề nghị Ban Tổ chức Thành ủy

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan tham mưu, giúp việc của Thành ủy, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố, Hội Liên hiệp Phụ nữ Thành phố, Thành Đoàn, các Quận, Huyện ủy rà soát, tham mưu Ban Thường vụ Thành ủy lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp xã của thành phố Đà Nẵng.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu Ban Thường vụ Thành ủy sắp xếp, tổ chức lại các cơ quan tham mưu, giúp việc, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp cơ sở và thành lập các đảng bộ gắn với chính quyền cùng cấp và nhân sự các cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội; giải quyết chế độ, chính sách cho cán bộ, công chức, viên chức khỏi Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội sau sắp xếp, tổ chức lại ĐVHC các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.

3. Đề nghị Ban Tuyên giáo và Dân vận Thành ủy

Chỉ đạo công tác định hướng thông tin, hướng dẫn các cấp ủy, tổ chức đảng tập trung lãnh đạo, chỉ đạo làm tốt công tác tuyên truyền, tạo sự thống nhất, đồng thuận về nhận thức và hành động trong các cấp ủy, chính quyền, trong cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, người lao động và nhân dân về mục đích, yêu cầu, ý nghĩa của việc thực hiện sắp xếp ĐVHC các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.

4. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố và các tổ chức chính trị - xã hội thành phố

a) Đẩy mạnh công tác tuyên truyền nhằm lan tỏa, tạo sự đồng thuận trong xã hội, các cấp, các ngành, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và Nhân dân về chủ trương sắp xếp ĐVHC các cấp.

b) Phối hợp tổ chức lấy ý kiến Nhân dân về nội dung Đề án.

c) Chủ trì, phối hợp xây dựng Đề án sắp xếp, tinh gọn bộ máy cơ quan Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, các hội quần chúng được Đảng và Nhà nước giao nhiệm vụ của thành phố và ở những nơi thực hiện sắp xếp ĐVHC.

5. Các sở, ban, ngành thành phố

a) Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, chủ động tham mưu UBND thành phố triển khai các nội dung liên quan đến việc xây dựng sắp xếp ĐVHC các cấp và xây dựng mô hình chính quyền địa phương 02 cấp. Kịp thời hướng dẫn việc thực hiện các công việc có liên quan thuộc phạm vi quản lý ngành, lĩnh vực, tạo thuận lợi tối đa cho quá trình thực hiện.

b) Chủ động rà soát, đề xuất điều chỉnh các quy hoạch liên quan đến ngành, lĩnh vực, phù hợp với việc điều chỉnh, sắp xếp các ĐVHC.

c) Trực tiếp làm việc với các Bộ, ngành liên quan để tháo gỡ các vướng mắc, khó khăn (nếu có) trong quá trình triển khai thực hiện Đề án.

d) Theo chức năng, nhiệm vụ chịu trách nhiệm xem xét, giải quyết theo thẩm quyền khó khăn, vướng mắc và theo đề xuất, kiến nghị của các địa phương khi thực hiện sắp xếp ĐVHC các cấp và tổ chức mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; trường hợp vượt quá thẩm quyền thì báo cáo UBND thành phố xem xét, giải quyết hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết.

6. Sở Nội vụ

a) Là cơ quan đầu mối giúp UBND thành phố tiếp nhận, tổng hợp, xử lý các vấn đề liên quan đến sắp xếp ĐVHC cấp xã; chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan kịp thời hướng dẫn, giải đáp nhằm tháo gỡ những vướng mắc, khó khăn của các địa phương trong quá trình thực hiện và chủ động xin ý kiến Bộ Nội vụ những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

b) Chủ trì; tham mưu UBND thành phố báo cáo Ban Thường vụ Thành ủy, trình Hội đồng nhân dân thành phố ban hành các Nghị quyết liên quan về sắp xếp ĐVHC cấp xã; trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định; tham mưu UBND thành phố hoàn thiện hồ sơ gửi Bộ Nội vụ trình Chính phủ báo cáo cấp có thẩm quyền về Đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã bảo đảm tiến độ, chất lượng theo quy định.

c) Chủ trì hướng dẫn, rà soát, chỉnh lý, bổ sung hồ sơ, bản đồ địa giới đơn vị hành chính các cấp, phân loại ĐVHC; hướng dẫn việc rà soát, điều chỉnh các chính sách thuộc lĩnh vực lao động - xã hội và chính sách đối với người có công tại đơn vị hành chính cấp xã thực hiện sắp xếp.

d) Tham mưu hướng dẫn việc quản lý công tác văn thư, lưu trữ khi sắp xếp, sáp nhập ĐVHC trên địa bàn thành phố.

đ) Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, tham mưu đề xuất UBND thành phố thực hiện bố trí, sắp xếp đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và chỉ đạo, hướng dẫn UBND cấp huyện sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy, bố trí đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, người hoạt động không chuyên trách tại ĐVHC cấp xã hình thành sau sắp xếp; hướng dẫn việc giải quyết chế độ, chính sách đối với các đối tượng dôi dư do sắp xếp ĐVHC (theo hướng dẫn của Trung ương).

7. Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố

a) Hướng dẫn, chỉ đạo thực hiện rà soát, xác định ĐVHC hình thành sau sắp xếp là đơn vị thuộc trọng điểm về quốc phòng; hướng dẫn công tác bàn giao các hồ sơ liên quan đến công tác quân sự, quốc phòng địa phương khi sắp xếp ĐVHC các cấp và tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp; bàn giao các công trình quân sự, quốc phòng trên địa bàn ở các ĐVHC thực hiện sắp xếp (nếu có) theo đúng quy định. Hướng dẫn tổ chức bộ máy, xây dựng lại lực lượng dân quân tự vệ tại các ĐVHC thực hiện sắp xếp, tổ chức lại.

b) Xây dựng, đề xuất phương án sắp xếp tổ chức quân đội tại ĐVHC sau sắp xếp, báo cáo cấp có thẩm quyền.

c) Lãnh đạo, chỉ đạo các đơn vị quân đội trên địa bàn thành phố (theo thẩm quyền) chủ động xây dựng nền quốc phòng toàn dân và thế trận an ninh nhân dân trên địa bàn cấp xã (sau khi thực hiện sắp xếp); phối hợp với lực lượng công an và lực lượng khác trên địa bàn giữ gìn an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội; không để xảy ra các vấn đề phức tạp trước, trong và sau sắp xếp ĐVHC các cấp.

8. Công an Thành phố

a) Chủ trì xây dựng phương án sắp xếp tổ chức công an tại ĐVHC sau sắp xếp, báo cáo cấp có thẩm quyền.

b) Bố trí, sắp xếp công an các cấp dôi dư sau khi sắp xếp, tổ chức lại ĐVHC, hướng dẫn công an các cấp về công tác bàn giao hồ sơ liên quan đến công tác đảm bảo an ninh trật tự, liên quan đến quản lý công dân của ĐVHC thực hiện sắp xếp về đơn vị hành chính, tổ chức lại.

c) Hướng dẫn việc thực hiện thu hồi con dấu cũ, khắc con dấu mới của các cơ quan, tổ chức tại các ĐVHC mới sau khi sắp xếp; hướng dẫn việc chuyển đổi địa chỉ cư trú, các loại giấy tờ của công dân do thay đổi địa giới và tên gọi; hướng dẫn tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong lĩnh vực lý lịch tư pháp sau khi sắp xếp, tổ chức lại ĐVHC.

d) Tăng cường công tác nắm tình hình, chủ động phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh, vô hiệu hóa mọi âm mưu, hoạt động chống phá, tuyên truyền sai lệch về chủ trương sắp xếp ĐVHC; đảm bảo an toàn tuyệt đối địa bàn, không để xảy ra các vấn đề phức tạp trước, trong và sau sắp xếp ĐVHC.

9. Sở Tư pháp

a) Phối hợp tổ chức rà soát, đề xuất cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan khi thực hiện mô hình địa phương 02 cấp.

b) Tham mưu hướng dẫn các địa phương thực hiện sắp xếp đảm bảo ĐVHC cũ làm tốt công tác bàn giao hồ sơ tư pháp về ĐVHC mới; đồng thời làm tốt công tác quản lý hộ tịch theo đúng quy định; phối hợp với cơ quan chức năng hướng dẫn các ĐVHC mới thành lập trong việc chuyển đổi các loại giấy tờ cho tổ chức và công dân liên quan đến lĩnh vực quản lý của ngành; hướng dẫn, kiểm tra việc bàn giao số liệu, hồ sơ liên quan đến lĩnh vực tư pháp của các ĐVHC thực hiện sắp xếp, tổ chức lại.

c) Tham mưu hướng dẫn xử lý vấn đề phát sinh thuộc lĩnh vực hộ tịch, đăng ký biện pháp bảo đảm khi thực hiện sắp xếp ĐVHC các cấp.

10. Sở Xây dựng

Tham mưu, hướng dẫn, đôn đốc (thuộc thẩm quyền) đối với các nội dung về quy hoạch đô thị, nông thôn và đánh giá phân loại đô thị của các ĐVHC sau sắp xếp theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng;

11. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Hướng dẫn việc rà soát, bổ sung, điều chỉnh các vấn đề liên quan đến xây dựng nông thôn mới và các chính sách theo Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới, các dự án, tiểu dự án, hoạt động thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững của các ĐVHC thực hiện sắp xếp, tổ chức lại.

b) Hướng dẫn việc rà soát, chỉnh lý, bàn giao hồ sơ địa chính, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất và cơ sở dữ liệu đất đai sau khi sắp xếp ĐVHC theo quy định.

12. Sở Tài chính

a) Trên cơ sở đề nghị của các cơ quan, đơn vị, địa phương, Sở Tài chính tổng hợp, tham mưu cấp có thẩm quyền cân đối bố trí kinh phí sắp xếp ĐVHC theo quy định.

b) Tham mưu, hướng dẫn thực hiện nguồn vốn đầu tư công và việc điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công theo quy định; thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp thay đổi địa giới hành chính; thay đổi thông tin giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

c) Tham mưu hướng dẫn việc miễn phí, lệ phí khi thực hiện chuyển đổi các loại giấy tờ có liên quan của các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp; xử lý trụ sở, tài sản làm việc tại các cơ quan, đơn vị, tổ chức ở các ĐVHC thực hiện sắp xếp.

13. Sở Văn hóa và Thể thao

a) Phối hợp với Sở Nội vụ và các sở, ban, ngành, địa phương thực hiện tốt công tác chỉ đạo, hướng dẫn cơ quan báo chí và hệ thống thông tin cơ sở trên địa bàn thành phố đẩy mạnh tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng.

b) Hướng dẫn ĐVHC các cấp tổ chức việc thống kê, quản lý các di tích văn hóa, thiết chế văn hóa trên địa bàn các ĐVHC hình thành sau sắp xếp và công tác bàn giao, quản lý, sử dụng đối với ĐVHC mới được thành lập đảm bảo phù hợp và đúng quy định; hướng dẫn, kiểm tra việc bàn giao hồ sơ, tài liệu tại các ĐVHC thực hiện sắp xếp, tổ chức lại.

14. Sở Khoa học và Công nghệ

Tham mưu hướng dẫn về chính quyền điện tử, chính quyền số đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số; chủ trì hướng dẫn các đơn vị thực hiện cập nhật, điều chỉnh chữ ký số trong thực hiện sắp xếp ĐVHC tại các địa phương trước, trong và sau sắp xếp; đảm bảo việc xây dựng hệ thống dữ liệu kết nối, liên thông giữa chính quyền địa phương với trung ương.

15. Sở Y tế

Tham mưu, hướng dẫn sắp xếp, tổ chức cơ sở y tế tại các ĐVHC sau sắp xếp theo quy định.

16. Sở Giáo dục và Đào tạo

Tham mưu, hướng dẫn bảo đảm duy trì, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các cơ sở giáo dục đào tạo tại các ĐVHC sau sắp xếp theo quy định.

17. Văn phòng UBND thành phố

a) Phối hợp với Sở Nội vụ dự thảo các văn bản của Đảng ủy UBND thành phố báo cáo, xin ý kiến Thường trực Thành ủy, Ban Thường vụ Thành ủy, Thành ủy chỉ đạo liên quan đến việc sắp xếp ĐVHC các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.

b) Trình ký các văn bản và tham mưu tổ chức các cuộc họp của UBND thành phố liên quan đến sắp xếp ĐVHC các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp (xin ý kiến lãnh đạo UBND thành phố về thời gian, địa điểm họp; chuẩn bị cơ sở, vật chất và điều kiện tổ chức cuộc họp...).

c) Thường xuyên phối hợp chặt chẽ với Sở Nội vụ, các sở, ngành có liên quan để kịp thời tháo gỡ những vướng mắc, khó khăn trong việc thực hiện sắp xếp ĐVHC các cấp và xây dựng mô hình chính quyền địa phương 02 cấp.

18. Đề nghị các quận ủy, huyện ủy

a) Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo việc sắp xếp ĐVHC thuộc địa phương.

b) Lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện công tác tuyên truyền, quán triệt trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân về chủ trương sắp xếp ĐVHC; chủ động quán triệt, có biện pháp ổn định tình hình tư tưởng cán bộ, đảng viên để tập trung thực hiện hoàn thành các nhiệm vụ chính trị của địa phương, nhất là nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn; tổ chức triển khai thực hiện chủ trương sắp xếp ĐVHC đảm bảo đúng quy định, tiến độ đề ra.

19. Ủy ban nhân dân các quận, huyện

a) Tổ chức thông tin, tuyên truyền và chỉ đạo UBND cấp xã trực thuộc tổ chức thông tin, tuyên truyền tới cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân về chủ trương, phương án và các nội dung liên quan đến việc sắp xếp ĐVHC các cấp và mô hình chính quyền địa phương 02 cấp.

b) Bố trí kinh phí thực hiện theo phân cấp quản lý ngân sách nhà nước để thực hiện các nhiệm vụ sắp xếp ĐVHC.

c) Chỉ đạo, hướng dẫn UBND cấp xã rà soát, tổ chức triển khai các công việc thuộc thẩm quyền có liên quan trong quá trình sắp xếp ĐVHC.

d) Chỉ đạo, hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc tổ chức lấy ý kiến cử tri; chịu trách nhiệm về kết quả lấy ý kiến cử tri; tổng hợp kết quả lấy ý kiến cử tri trên địa bàn để báo cáo UBND thành phố (qua Sở Nội vụ).

đ) Chỉ đạo UBND cấp xã trực thuộc trình Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, thông qua việc sắp xếp ĐVHC cấp xã trên địa bàn (đối với huyện Hòa Vang) hoặc trình UBND quận (đối với các quận).

e) Trình Hội đồng nhân dân huyện xem xét, thông qua việc sắp xếp các ĐVHC cấp xã trên địa bàn (đối với huyện Hòa Vang) hoặc trình UBND thành phố (đối với các quận).

g) Phối hợp, hoàn thiện hồ sơ sắp xếp ĐVHC của địa phương, báo cáo UBND thành phố (thông qua Sở Nội vụ) theo quy định.

h) Chỉ đạo tạo điều kiện thuận lợi cho người dân trong sinh hoạt và giao dịch ở ĐVHC sau khi sắp xếp, thực hiện chuyển đổi các loại giấy tờ cho cá nhân, tổ chức theo thẩm quyền.

20. UBND các phường, xã

a) Tổ chức thông tin, tuyên truyền về sắp xếp ĐVHC trên địa bàn; thực hiện các nội dung công việc theo chức năng, nhiệm vụ được giao, đảm bảo đúng quy định và lộ trình công việc; hướng dẫn thôn, tổ dân phố trong việc lấy ý kiến cử tri; kiểm tra, tổng hợp, hoàn chỉnh hồ sơ báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định.

b) Thực hiện bàn giao, tiếp nhận tổ chức bộ máy, hồ sơ, tài liệu, cơ sở vật chất... sau khi sáp nhập, điều chỉnh, thành lập ĐVHC theo thẩm quyền.

c) Tạo điều kiện thuận lợi cho người dân trong sinh hoạt và giao dịch ở ĐVHC sau khi sắp xếp, thực hiện chuyển đổi các loại giấy tờ cho cá nhân, tổ chức theo thẩm quyền.

VI. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Kết luận

Sáp nhập các ĐVHC cấp xã chưa đạt tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số là cần thiết nhằm đảm bảo phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội; tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý nhà nước phù hợp với chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước, đồng thời đáp ứng được xu thế mở rộng không gian để phát triển của ĐVHC cấp xã và đảm bảo truyền thống lịch sử, văn hóa, dân tộc, phong tục tập quán của phường, xã mới hình thành sau khi sắp xếp.

Việc sắp xếp ĐVHC còn là vấn đề khó khăn, phức tạp ảnh hưởng trực tiếp đến Nhân dân, cán bộ, công chức, người lao động, và các hoạt động của tổ chức, doanh nghiệp... trên địa bàn thành phố. Vì vậy, để thực hiện hiệu quả Đề án, đòi hỏi phải có quyết tâm chính trị cao, quyết liệt trong chỉ đạo, tổ chức thực hiện; có phương án chi tiết, cụ thể; đồng thời chú trọng và phát huy công tác tuyên truyền, vận động để tạo sự đồng thuận của Nhân dân, chính quyền các cấp cũng như đội ngũ cán bộ, công chức, người lao động trong quá trình thực hiện.

2. Kiến nghị, đề xuất

a) UBND thành phố Đà Nẵng kính báo cáo Chính phủ xem xét, trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội sớm thông qua và ban hành Nghị quyết sắp xếp ĐVHC cấp xã năm 2025 của thành phố Đà Nẵng để thành phố Đà Nẵng có cơ sở chỉ đạo triển khai việc sắp xếp ĐVHC, sớm hoàn thành theo lộ trình, đảm bảo ổn định tình hình, tư tưởng của người dân, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

b) Đề xuất Trung tâm phục vụ hành chính công là đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND phường, xã để địa phương tập trung đầu tư về hạng tầng và dữ liệu, tạo điều kiện đảm bảo số lượng và chất lượng nhân sự nhằm nâng cao chất lượng phục vụ hành chính công.

c) Hiện nay, thành phố Đà Nẵng đang thực hiện tổ chức chính quyền đô thị theo Nghị quyết số 136/2024/QH15 ngày 26/6/2024 của Quốc hội (không tổ chức HĐND phường), do vậy, kính đề nghị các cơ quan Trung ương hướng dẫn việc tổ chức HĐND cấp xã khi sáp nhập ĐVHC xã vào ĐVHC phường. Cụ thể, đề xuất tại nơi nhập ĐVHC xã với ĐVHC phường thành ĐVHC phường (mới) thì thực hiện chấm dứt HĐND xã tại ĐVHC xã trước khi nhập với ĐVHC phường tại nơi thực hiện tổ chức chính quyền đô thị để hình thành ĐVHC phường (mới) và đi vào hoạt động kể từ ngày 01/7/2025. HĐND và UBND phường, xã (mới) nhiệm kỳ 2026 - 2031 được tổ chức thống nhất theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương (sửa đổi).

d) Thực trạng công tác quản lý nhà nước, bảo vệ chủ quyền đối với huyện đảo Hoàng Sa có nhiều đặc thù. Chính quyền địa phương tại huyện đảo Hoàng Sa (sau này là đặc khu Hoàng Sa) chưa được tổ chức hoàn chỉnh như các chính quyền địa phương khác, do vậy, kính đề nghị các cơ quan Trung ương hướng dẫn tổ chức bộ máy của đặc khu Hoàng Sa theo hướng giao cho cấp chính quyền thành phố Đà Nẵng quy định cụ thể việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn cũng như tổ chức và hoạt động của chính quyền địa phương ở đặc khu chưa được tổ chức hoàn chỉnh.

Trên đây là Đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã của thành phố Đà Nẵng năm 2025, UBND thành phố Đà Nẵng kính trình Chính phủ xem xét, trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định. / *ngheulor*

Nơi nhận:

- Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- BCD sắp xếp, tổ chức lại ĐVHC cấp xã của TPĐN;
- Ban Thường vụ Thành ủy;
- Thường trực HĐND TP;
- BTT UBMTTQVN TP;
- Ban Tổ chức TU;
- Sở Nội vụ;
- Lưu: VT, SNV.

16

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Trung Chính



Phụ lục 1
THÔNG KÊ HIỆN TRẠNG ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ HIỆN NAY
(Kèm theo Đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của thành phố Đà Nẵng năm 2025)

Số TT	Tên ĐVHC cấp huyện	Diện tích tự nhiên			Quy mô dân số			Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Yếu tố đặc thù khác (nếu có)	Thuộc diện sắp xếp
		Tiêu chuẩn	Diện tích (km ²)	Tỷ lệ (%)	Tiêu chuẩn	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)				
1	2	3	4	5	6	9	10	11	12	13	14
I	Quận Hải Châu		23,29			250.790					
1	Phường Thanh Bình	5,50	1,77	32,18%	45.000	21.443	47,65%				x
2	Phường Thuận Phước	5,50	2,21	40,18%	45.000	19.969	44,38%				x
3	Phường Thạch Thang	5,50	1,02	18,55%	45.000	20.325	45,17%				x
4	Phường Hải Châu	5,50	1,31	23,82%	45.000	34.719	77,15%				x
5	Phường Phước Ninh	5,50	1,27	23,09%	45.000	34.971	77,71%				x
6	Phường Bình Thuận	5,50	1,72	31,27%	45.000	34.915	77,59%				x
7	Phường Hoà Thuận Tây	5,50	8,43	153,27%	45.000	20.509	45,58%				x
8	Phường Hoà Cường Bắc	5,50	3,46	62,91%	45.000	35.555	79,01%				x
9	Phường Hoà Cường Nam	5,50	2,11	38,36%	45.000	28.384	63,08%				x
II	Quận Thanh Khê		10,50			235.213					
1	Phường Xuân Hà	5,50	1,43	26,00%	45.000	41.667	92,59%				x
2	Phường Thanh Khê Tây	5,50	2,39	43,45%	45.000	32.752	72,78%				x
3	Phường Thanh Khê Đông	5,50	1,71	31,09%	45.000	42.902	95,34%				x
4	Phường Chính Gián	5,50	1,10	20,00%	45.000	41.044	91,21%				x
5	Phường Thạc Gián	5,50	1,29	23,45%	45.000	42.875	95,28%				x
6	Phường An Khê	5,50	2,58	46,91%	45.000	33.973	75,50%				x
III	Quận Sơn Trà		63,41			169.525					
1	Phường Thọ Quang	5,50	50,03	909,64%	45.000	29.094	64,65%				x
2	Phường Nại Hiên Đông	5,50	4,32	78,55%	45.000	27.835	61,86%				x
3	Phường Mân Thái	5,50	1,68	30,55%	45.000	29.961	66,58%				x
4	Phường An Hải Bắc	5,50	3,16	57,45%	45.000	33.927	75,39%				x
5	Phường Phước Mỹ	5,50	1,87	34,00%	45.000	14.843	32,98%				x
6	Phường An Hải Nam	5,50	2,34	42,55%	45.000	33.865	75,26%				x
IV	Quận Ngũ Hành Sơn		40,19			115.944					
1	Phường Mỹ An	5,50	3,28	59,64%	45.000	31.458	69,91%				x
2	Phường Khuê Mỹ	5,50	5,48	99,64%	45.000	21.492	47,76%				x
3	Phường Hòa Quý	5,50	14,83	269,64%	45.000	25.572	56,83%				x
4	Phường Hòa Hải	5,50	16,60	301,82%	45.000	37.422	83,16%				x
V	Quận Liên Chiểu		80,96			188.799					
1	Phường Hòa Hiệp Bắc	5,50	45,75	831,82%	45.000	15.603	34,67%				x
2	Phường Hòa Hiệp Nam	5,50	7,79	141,64%	45.000	27.470	61,04%				x
3	Phường Hòa Khánh Bắc	5,50	10,38	188,73%	45.000	54.022	120,05%				x
4	Phường Hòa Khánh Nam	5,50	10,32	187,64%	45.000	37.629	83,62%				x
5	Phường Hòa Minh	5,50	6,65	120,91%	45.000	54.075	120,17%				x
VI	Quận Cẩm Lệ		35,85			187.608					
1	Phường Khuê Trung	5,50	3,01	54,73%	45.000	33.965	75,48%				x
2	Phường Hòa Phát	5,50	6,53	118,73%	45.000	21.703	48,23%				x
3	Phường Hòa An	5,50	3,25	59,09%	45.000	37.949	84,33%				x
4	Phường Hòa Thọ Tây	5,50	8,37	152,18%	45.000	16.961	37,69%				x
5	Phường Hòa Thọ Đông	5,50	2,67	48,55%	45.000	27.911	62,02%				x
6	Phường Hoà Xuân	5,50	12,02	218,55%	45.000	49.119	109,15%				x
VII	Huyện Hòa Vang		733,18			170.602					
1	Xã Hòa Bắc	30,00	344,15	1147,17%	16.000	4.577	28,61%				x
2	Xã Hòa Liên	30,00	39,21	130,70%	16.000	17.948	112,18%				x
3	Xã Hòa Ninh	30,00	103,72	345,73%	16.000	6.787	42,42%				x
4	Xã Hòa Sơn	30,00	23,96	79,87%	16.000	20.814	130,09%				x
5	Xã Hòa Nhơn	30,00	32,69	108,97%	16.000	18.480	115,50%				x
6	Xã Hòa Phú	30,00	89,25	297,50%	16.000	5.936	37,10%				x
7	Xã Hòa Phong	30,00	18,36	61,20%	16.000	20.776	129,85%				x
8	Xã Hòa Châu	30,00	9,14	30,47%	16.000	19.970	124,81%				x
9	Xã Hòa Tiến	30,00	14,70	49,00%	16.000	23.685	148,03%				x
10	Xã Hòa Phước	30,00	6,80	22,67%	16.000	16.491	103,07%				x
11	Xã Hòa Khương	30,00	51,20	170,67%	16.000	15.138	94,61%				x
VIII	Huyện Hoàng Sa		305,00								

ngphur



Phụ lục 2
THÔNG KÊ PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ
(Kèm theo Đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của thành phố Đà Nẵng năm 2025)

Số TT	Tên ĐVHC cấp xã mới	Phương án	Số ĐVHC cấp xã giảm	Diện tích tự nhiên			Quy mô dân số			Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Yếu tố đặc thù khác (nếu có)
				Tiêu chuẩn	Diện tích (km ²)	Tỷ lệ (%)	Tiêu chuẩn	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)			
1	2	3	4	5	6	7	8	11	12	13	14	15
1	Điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính											
1.2		Điều chỉnh một phần diện tích tự nhiên (8,40 km ²) và một phần quy mô dân số (1.342 người) của xã Hòa Liên (thuộc huyện Hòa Vang hiện nay) để nhập vào xã Hòa Bắc (thuộc huyện Hòa Vang hiện nay).										
a	Xã Hòa Liên (sau điều chỉnh)				30,81			16.606				
b	Xã Hòa Bắc (sau điều chỉnh)				352,55			5.919				
2	Thành lập các phường, xã		32									
2.1	Phường Hải Châu	Nhập nguyên trạng 05 phường: Thanh Bình, Thuận Phước, Thạch Thang, Hải Châu, Phước Ninh	4	5,50	7,58	137,82%	45.000	131.427	292,06%			
2.2	Phường Hòa Cường	Nhập nguyên trạng 04 phường: Bình Thuận, Hòa Thuận Tây, Hòa Cường Bắc, Hòa Cường Nam	3	5,50	15,72	285,82%	45.000	119.363	265,25%			
2.3	Phường Thanh Khê	Nhập nguyên trạng 05 phường: Xuân Hà, Chính Gián, Thạch Gián, Thanh Khê Tây, Thanh Khê Đông	4	5,50	7,92	144,00%	45.000	201.240	447,20%			
2.4	Phường An Khê	Nhập nguyên trạng 03 phường: An Khê, Hoà An, Hoà Phát	2	5,50	12,36	224,73%	45.000	93.625	208,06%			
2.5	Phường An Hải	Nhập nguyên trạng 03 phường: Phước Mỹ, An Hải Bắc, An Hải Nam	2	5,50	7,37	134,00%	45.000	82.635	183,63%			
2.6	Phường Sơn Trà	Nhập nguyên trạng 03 phường: Thọ Quang, Nại Hiên Đông, Mân Thái	2	5,50	56,03	1018,73%	45.000	86.890	193,09%			
2.7	Phường Ngũ Hành Sơn	Nhập nguyên trạng 04 phường: Mỹ An, Khuê Mỹ, Hòa Hải, Hòa Quý	3	5,50	40,19	730,73%	45.000	115.944	257,65%			
2.8	Phường Hòa Khánh	Nhập nguyên trạng 03 phường: Hòa Minh, Hòa Khánh Nam và xã Hòa Sơn	2	5,50	40,93	744,18%	45.000	112.518	250,04%			
2.9	Phường Liên Chiểu	Nhập nguyên trạng phường Hòa Khánh Bắc và xã Hòa Liên (sau khi điều chỉnh địa giới ĐVHC, nhập một phần vào xã Hòa Bắc)	1	5,50	41,19	748,91%	45.000	70.628	156,95%			
2.10	Phường Hải Vân	Nhập nguyên trạng 02 phường: Hòa Hiệp Bắc, Hòa Hiệp Nam và xã Hòa Bắc (sau khi điều chỉnh địa giới ĐVHC, nhận một phần của xã Hòa Liên)	2	5,50	406,09	7383,45%	45.000	48.992	108,87%			
2.11	Phường Cẩm Lệ	Nhập nguyên trạng 03 phường: Hòa Thọ Tây, Hòa Thọ Đông, Khuê Trung	2	5,50	14,05	255,45%	45.000	78.837	175,19%			
2.12	Phường Hòa Xuân	Nhập nguyên trạng phường Hòa Xuân và 02 xã: Hòa Châu, Hòa Phước	2	5,50	27,96	508,36%	45.000	85.580	190,18%			
2.13	Xã Hòa Vang	Nhập nguyên trạng 02 xã: Hòa Phong, Hòa Phú	1	30,00	107,61	358,70%	16.000	26.712	166,95%			
2.14	Xã Hòa Tiến	Nhập nguyên trạng 02 xã: Hòa Tiến, Hòa Khương	1	30,00	65,90	219,67%	16.000	38.823	242,64%			
2.15	Xã Bà Nà	Nhập nguyên trạng 02 xã: Hòa Ninh, Hòa Nhơn	1	30,00	136,41	454,70%	16.000	25.267	157,92%			
3	Độc khu Hoàng Sa	Hình thành độc khu Hoàng Sa trên cơ sở nguyên trạng huyện đảo Hoàng Sa			305,00							

nguyên

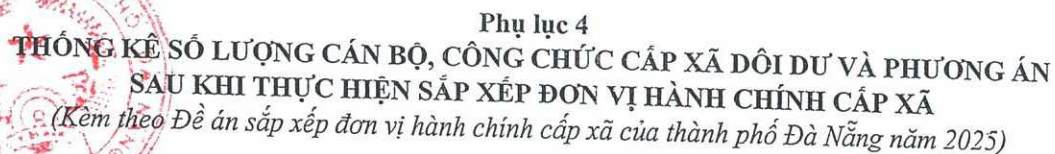


Phụ lục 3

BẢNG ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ CỦA THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

(Kèm theo Đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của thành phố Đà Nẵng năm 2025)

Số TT	ĐVHC cấp xã	Số lượng ĐVHC hiện nay	Số lượng ĐVHC đạt tiêu chuẩn không thực hiện sắp xếp	Số lượng ĐVHC không thực hiện sắp xếp do có yếu tố đặc thù	Số lượng ĐVHC thực hiện sắp xếp	Số lượng ĐVHC sau sắp xếp	Số lượng ĐVHC sau sắp xếp không đạt tiêu chuẩn do có yếu tố đặc thù	Số lượng ĐVHC giảm sau sắp xếp
1	Xã	11	0	0	11	3	0	8
2	Phường	36	0	0	36	12	0	24
3	Thị trấn	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng	47	0	0	47	15	0	32

[illegible]

Số TT	Tên ĐVHC	Số lượng theo định mức				Số lượng hiện có				Số lượng dự kiến nghỉ hưu, thôi việc, tính giảm biên chế											
		Cán bộ	Công chức	Viên chức	NHĐ không chuyên trách	Cán bộ	Công chức	Viên chức	NHĐ không chuyên trách	Tổng				Nghỉ hưu chế độ				Tính giảm biên chế hoặc thôi việc			
										Cán bộ	Công chức	Viên chức	NHĐ không chuyên trách	Cán bộ	Công chức	Viên chức	NHĐ không chuyên trách	Cán bộ	Công chức	Viên chức	NHĐ không chuyên trách
2	Phường An Hải Nam	8	19		18	8	19		17	4	3	0	1					4	3		1
3	Phường Phước Mỹ	7	17		17	7	16		14	2	2	0	3					2	2		3
4	Phường Mân Thái	7	17		18	7	15		13	4	2	0	2	1				3	2		2
5	Phường Nại Hiên Đông	7	17		17	8	14		12	2	2	0	2					2	2		2
6	Phường Thọ Quang	7	17		17	7	15		15	1	2	0	1					1	2		1
	QUẬN NGŨ HÀNH SƠN	0	79	1022	0	0	71	979	0	0	7	14	0						7	14	
	Các phường (04 phường)	28	64	0	67	27	54	0	55	7	9	0	0	2	2	0	0	5	7	0	0
1	Phường Mỹ An	7	16		17	6	15		13	2	2	0	0		1			2	1		
2	Phường Hòa Hải	7	16		19	7	15		13	3	5	0	0		1			3	4		
3	Phường Khuê Mỹ	7	16		15	7	11		15	1	1	0	0	1					1		
4	Phường Hòa Quý	7	16		16	7	13		14	1	1	0	0	1					1		
	QUẬN LIÊN CHIÊU	0	80	1502	0	0	82	1473	0	0	12	17	0		2				10	17	
	Các phường (05 phường)	35	80	0	92	34	69	0	67	17	5	0	5	3	0	0	0	14	5	0	5
1	Phường Hòa Minh	7	16	0	19	6	15		13	2	2	0	0	1				1	2		
2	Phường Hòa Khánh Nam	7	16	0	18	7	14		13	3	1	0	0	1				2	1		
3	Phường Hòa Khánh Bắc	7	16	0	20	7	13		13	5	0	0	0	1				4			
4	Phường Hòa Hiệp Nam	7	16	0	16	7	12		14	5	0	0	2					5	0		2
5	Phường Hòa Hiệp Bắc	7	16	0	19	7	15		14	2	2	0	3					2	2		3
	QUẬN CẨM LỆ	0	84	1400	0	0	83	1367	0	0	8	14	0						8	14	
	Các phường (06 phường)	42	94	0	98	42	87	0	80	12	7	0	11	0	0	0	0	12	7	0	11
1	Phường Hòa An	7	16	0	18	7	15		14	1	0	0	3					1			3
2	Phường Hòa Phát	7	16	0	15	7	14		14	3	1	0	3					3	1		3
3	Phường Hòa Thọ Đông	7	14	0	14	7	13		12	2	3	0	0					2	3		
4	Phường Hòa Thọ Tây	7	16	0	14	7	15		12	5	2	0	1					5	2		1

Số TT	Tên ĐVHC	Số lượng theo định mức				Số lượng hiện có				Số lượng dự kiến nghỉ hưu, thôi việc, tính giảm biên chế											
		Cán bộ	Công chức	Viên chức	NHĐ không chuyên trách	Cán bộ	Công chức	Viên chức	NHĐ không chuyên trách	Tổng				Nghỉ hưu chế độ				Tính giảm biên chế hoặc thôi việc			
										Cán bộ	Công chức	Viên chức	NHĐ không chuyên trách	Cán bộ	Công chức	Viên chức	NHĐ không chuyên trách	Cán bộ	Công chức	Viên chức	NHĐ không chuyên trách
5	Phường Hòa Xuân	7	16	0	20	7	15		14	0	0	0	1								1
6	Phường Khuê Trung	7	16	0	17	7	15		14	1	1	0	3					1	1		3
	HUYỆN HÒA VANG	0	90	2015	0	0	81	1979	0	0	11	9	0						11	9	
	Các xã (11 xã)	121	121	0	184	118	115	0	146	10	18	0	13	1	0	0	0	9	18	0	13
1	Xã Hòa Tiến	11	11		17	11	11		13	2	2	0	3					2	2		3
2	Xã Hòa Châu	11	11		17	11	10		13	0	2	0	0						2		
3	Xã Hòa Phước	11	11		15	11	11		13	1	2	0	2					1	2		2
4	Xã Hòa Phong	11	11		18	11	11		13	0	2	0	3						2		3
5	Xã Hòa Phú	11	11		16	10	10		13	0	0	0	0								
6	Xã Hòa Nhơn	11	11		16	11	10		14	1	0	0	0	1							
7	Xã Hòa Khương	11	11		16	10	10		13	1	1	0	1					1	1		1
8	Xã Hòa Bắc	11	11		20	11	11		13	2	2	0	1					2	2		1
9	Xã Hòa Ninh	11	11		16	10	10		14	2	1	0	1					2	1		1
10	Xã Hòa Sơn	11	11		17	10	11		13	0	2	0	0						2		
11	Xã Hòa Liên	11	11		16	12	10		14	1	4	0	2					1	4		2
	TỔNG (47 phường, xã)	376	762	111	973	372	709	0	660	80	88	0	57	13	4	0	0	67	84	0	57

nghe

Phụ lục 5
DỰ KIẾN SỐ LƯỢNG BỐ TRÍ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC TẠI CÁC ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ SAU SẮP XẾP
(Kèm theo Đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của thành phố Đà Nẵng năm 2025)

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Số lượng phường, xã sắp nhập	Số lượng CBCC phường, xã sau sắp xếp						CBCC khối đảng						CBCC khối Mặt trận và tổ chức chính trị - xã hội						CBCC khối chính quyền					
			Thực trạng			Nghỉ hưu hoặc thôi việc	Dự kiến bổ trí lại	Đôi dư	Thực trạng			Nghỉ hưu hoặc thôi việc	Dự kiến bổ trí lại	Đôi dư	Thực trạng			Nghỉ hưu hoặc thôi việc	Dự kiến bổ trí lại	Đôi dư						
			Tổng	Tại phường, xã	Điều chuyển từ quận, huyện				Tổng	Tại phường, xã	Điều chuyển từ quận, huyện				Tổng	Tại phường, xã	Điều chuyển từ quận, huyện									
1	2		3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26
	Toàn thành phố		1858	1081	777	167	893	798	319	149	170	21	255	43	331	226	105	58	150	123	1200	706	494	480	88	632
1	Phường Hải Châu (Thanh Bình, Thuận Phước, Thạch Thang, Hải Châu, Phước Ninh)	5	180	129	51	21	59	100	28	17	11	1	17	10	29	22	7	3	10	16	123	90	33	32	17	74
2	Phường Hòa Cường (Bình Thuận, Hòa Thuận Tây, Hòa Cường Bắc, Hòa Cường Nam)	4	146	95	51	10	59	77	24	13	11		17	7	25	18	7	4	10	11	97	64	33	32	6	59
3	Phường Thanh Khê (Xuân Hà, Chính Gián, Thạc Gián, Thanh Khê Tây, Thanh Khê Đông)	5	199	148	51	26	59	114	32	21	11	5	17	10	30	23	7	7	10	13	137	104	33	32	14	91
4	Phường An Hải (Phước Mỹ, An Hải Bắc, An Hải Nam)	3	122	72	50	11	59	52	21	10	11	2	17	2	22	15	7	4	10	8	79	47	32	32	5	42
5	Phường Sơn Trà (Thọ Quang, Nại Hiên Đông, Mân Thái)	3	118	66	52	13	59	46	21	9	12	2	17	2	22	15	7	5	10	7	75	42	33	32	6	37
6	Phường Ngũ Hành Sơn (Mỹ An, Khuê Mỹ, Hòa Hải, Hòa Quý)	4	133	81	52	16	59	58	24	12	12	1	17	6	26	19	7	6	10	10	83	50	33	32	9	42
7	Phường Hòa Khánh (Hòa Minh, Hòa Khánh Nam, Hòa Sơn)	3	114	63	51	10	59	45	19	8	11	2	17	0	21	14	7	3	10	8	74	41	33	32	5	37
8	Phường Liên Chiểu (Hòa Khánh Bắc, Hòa Liên)	2	93	42	51	10	59	24	17	6	11	1	17	-1	17	10	7	5	10	2	59	26	33	32	4	23
9	Phường Hải Vân (Hòa Hiệp Bắc, Hòa Hiệp Nam, Hòa Bắc)	3	115	63	52	13	59	43	21	9	12	3	17	1	22	15	7	6	10	6	72	39	33	32	4	36
10	Phường An Khê (An Khê, Hòa An, Hòa Phát)	3	119	68	51	6	59	54	20	9	11	0	17	3	22	15	7	4	10	8	77	44	33	32	2	43
11	Phường Cẩm Lệ (Hòa Thọ Tây, Hòa Thọ Đông, Khuê Trung)	3	115	64	51	14	59	42	20	9	11	3	17	0	22	15	7	5	10	7	73	40	33	32	6	35
12	Phường Hòa Xuân (Hòa Xuân, Hòa Châu, Hòa Phước)	3	116	65	51	5	59	52	20	9	11	0	17	3	22	15	7	1	10	11	74	41	33	32	4	38
13	Xã Hòa Vang (Hòa Phong, Hòa Phú)	2	94	42	52	2	59	33	17	5	12	0	17	0	17	10	7	0	10	7	60	27	33	32	2	26
14	Xã Hòa Tiến (Hòa Tiến, Hòa Khương)	2	93	42	51	6	59	28	17	6	11	0	17	0	17	10	7	3	10	4	59	26	33	32	3	24
15	Xã Bà Nà (Hòa Ninh, Hòa Nhơn)	2	93	41	52	4	59	30	18	6	12	1	17	0	17	10	7	2	10	5	58	25	33	32	1	25
16	Đặc khu Hoàng Sa		8	0	8		8																			

Nguyễn Văn...

Phụ lục 6
PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG TRỤ SỞ CÔNG TẠI CÁC ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ SAU SẮP XẾP
(Kèm theo Đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của thành phố Đà Nẵng năm 2025)

Số TT	Tên cấp xã	Số lượng	Phương án sắp xếp, xử lý			Lộ trình					Ghi chú
			Tiếp tục sử dụng	Dôi dư	Phương án khác	2025	2026	2027	2028	2029	
1	Phường Bình Thuận	1	1			Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Bổ trí làm trụ sở công an, trạm y tế, đơn vị sự nghiệp cấp xã hoặc các cơ quan, đơn vị cấp thành phố khi hợp nhất tỉnh Quảng Nam và thành phố Đà Nẵng.
2	Phường Phước Ninh	1	1			Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Bổ trí làm trụ sở khối chính quyền phường Hải Châu (mới)
3	Phường Hải Châu	1	1			Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Bổ trí làm trụ sở công an, trạm y tế, đơn vị sự nghiệp cấp xã hoặc các cơ quan, đơn vị cấp thành phố khi hợp nhất tỉnh Quảng Nam và thành phố Đà Nẵng.
4	Phường Thuận Phước	1	1			Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Bổ trí làm trụ sở công an, trạm y tế, đơn vị sự nghiệp cấp xã hoặc các cơ quan, đơn vị cấp thành phố khi hợp nhất tỉnh Quảng Nam và thành phố Đà Nẵng.
5	Phường Thanh Bình	1	1			Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Bổ trí làm trụ sở công an, trạm y tế, đơn vị sự nghiệp cấp xã hoặc các cơ quan, đơn vị cấp thành phố khi hợp nhất tỉnh Quảng Nam và thành phố Đà Nẵng.

Số TT	Tên cấp xã	Số lượng	Phương án sắp xếp, xử lý			Lộ trình					Ghi chú
			Tiếp tục sử dụng	Dôi dư	Phương án khác	2025	2026	2027	2028	2029	
6	Phường Thạch Thang	1	1			Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Bố trí làm trụ sở công an, trạm y tế, đơn vị sự nghiệp cấp xã hoặc các cơ quan, đơn vị cấp thành phố khi hợp nhất tỉnh Quảng Nam và thành phố Đà Nẵng.
7	Phường Hoà Thuận Tây	1	1			Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Bố trí làm trụ sở khối Đảng, mặt trận, đoàn thể phường Hòa Cường (mới)
8	Phường Hoà Cường Bắc	1	1			Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Bố trí làm trụ sở khối chính quyền phường Hòa Cường (mới)
9	Phường Hoà Cường Nam	1	1			Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Bố trí làm trụ sở công an, trạm y tế, đơn vị sự nghiệp cấp xã hoặc các cơ quan, đơn vị cấp thành phố khi hợp nhất tỉnh Quảng Nam và thành phố Đà Nẵng.
10	Phường Chính Gián	1	1			Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Bố trí làm trụ sở công an, trạm y tế, đơn vị sự nghiệp cấp xã hoặc các cơ quan, đơn vị cấp thành phố khi hợp nhất tỉnh Quảng Nam và thành phố Đà Nẵng.
11	Phường Xuân Hà	1	1			Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Bố trí làm trụ sở công an, trạm y tế, đơn vị sự nghiệp cấp xã hoặc các cơ quan, đơn vị cấp thành phố khi hợp nhất tỉnh Quảng Nam và thành phố Đà Nẵng.
12	Phường Thạch Gián	1	1			Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Bố trí làm trụ sở công an, trạm y tế, đơn vị sự nghiệp cấp xã hoặc các cơ quan, đơn vị cấp thành phố khi hợp nhất tỉnh Quảng Nam và thành phố Đà Nẵng.

Số TT	Tên cấp xã	Số lượng	Phương án sắp xếp, xử lý			Lộ trình					Ghi chú
			Tiếp tục sử dụng	Đôi dư	Phương án khác	2025	2026	2027	2028	2029	
13	Phường Thanh Khê Đông	1	1			Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Bố trí làm trụ sở công an, trạm y tế, đơn vị sự nghiệp cấp xã hoặc các cơ quan, đơn vị cấp thành phố khi hợp nhất tỉnh Quảng Nam và thành phố Đà Nẵng.
14	Phường An Khê	1	1			Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Bố trí làm trụ sở khối chính quyền phường An Khê (mới)
15	Phường Thanh Khê Tây	1	1			Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Bố trí làm trụ sở công an, trạm y tế, đơn vị sự nghiệp cấp xã hoặc các cơ quan, đơn vị cấp thành phố khi hợp nhất tỉnh Quảng Nam và thành phố Đà Nẵng.
16	Phường An Hải Bắc	1	1			Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Bố trí làm trụ sở khối Đảng, mặt trận, đoàn thể phường An Hải (mới)
17	Phường Phước Mỹ	1	1			Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Bố trí làm trụ sở khối chính quyền phường An Hải (mới)
18	Phường An Hải Nam	1	1			Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Bố trí làm trụ sở công an, trạm y tế, đơn vị sự nghiệp cấp xã hoặc các cơ quan, đơn vị cấp thành phố khi hợp nhất tỉnh Quảng Nam và thành phố Đà Nẵng.
19	Phường Mân Thái	1	1			Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Bố trí làm trụ sở khối Đảng, mặt trận, đoàn thể phường Sơn Trà (mới)
20	Phường Thọ Quang	1	1			Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Bố trí làm trụ sở khối chính quyền phường Sơn Trà (mới)
21	Phường Nại Hiên Đông	1	1			Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Bố trí làm trụ sở công an, trạm y tế, đơn vị sự nghiệp cấp xã hoặc các cơ quan, đơn vị cấp thành phố khi hợp nhất tỉnh Quảng Nam và thành phố Đà Nẵng.

Số TT	Tên cấp xã	Số lượng	Phương án sắp xếp, xử lý			Lộ trình					Ghi chú
			Tiếp tục sử dụng	Đôi dư	Phương án khác	2025	2026	2027	2028	2029	
22	Phường Hòa Hải	1	1			Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Bổ trí làm trụ sở công an, trạm y tế, đơn vị sự nghiệp cấp xã hoặc các cơ quan, đơn vị cấp thành phố khi hợp nhất tỉnh Quảng Nam và thành phố Đà Nẵng.
23	Phường Mỹ An	1	1			Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Bổ trí làm trụ sở công an, trạm y tế, đơn vị sự nghiệp cấp xã hoặc các cơ quan, đơn vị cấp thành phố khi hợp nhất tỉnh Quảng Nam và thành phố Đà Nẵng.
24	Phường Khuê Mỹ	1	1			Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Bổ trí làm trụ sở công an, trạm y tế, đơn vị sự nghiệp cấp xã hoặc các cơ quan, đơn vị cấp thành phố khi hợp nhất tỉnh Quảng Nam và thành phố Đà Nẵng.
25	Phường Hòa Quý	1	1			Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Bổ trí làm trụ sở công an, trạm y tế, đơn vị sự nghiệp cấp xã hoặc các cơ quan, đơn vị cấp thành phố khi hợp nhất tỉnh Quảng Nam và thành phố Đà Nẵng.
26	Phường Hòa Khánh Nam	1	1			Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Bổ trí làm trụ sở khối Đảng, mặt trận, đoàn thể phường Hòa Khánh (mới)
27	Phường Hòa Khánh Bắc	1	1			Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Bổ trí làm trụ sở khối chính quyền phường Liên Chiểu (mới)
28	Phường Hòa Hiệp Bắc	1	1			Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Bổ trí làm trụ sở khối Đảng, mặt trận, đoàn thể phường Hải Vân (mới)
29	Phường Hòa Hiệp Nam	1	1			Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Bổ trí làm trụ sở khối chính quyền phường Hải Vân (mới)
30	Phường Hòa Minh	1	1			Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Bổ trí làm trụ sở khối chính quyền phường Hòa Khánh (mới)

Số TT	Tên cấp xã	Số lượng	Phương án sắp xếp, xử lý			Lộ trình					Ghi chú
			Tiếp tục sử dụng	Đôi dư	Phương án khác	2025	2026	2027	2028	2029	
31	Phường Hòa Thọ Đông	1	1			Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Bổ trí làm trụ sở khối Đảng, mặt trận, đoàn thể phường Cẩm Lệ (mới)
32	Phường Khuê Trung	1	1			Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Bổ trí làm trụ sở khối chính quyền phường Cẩm Lệ (mới)
33	Phường Hòa Thọ Tây	1	1			Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Bổ trí làm trụ sở công an, trạm y tế, đơn vị sự nghiệp cấp xã hoặc các cơ quan, đơn vị cấp thành phố khi hợp nhất tỉnh Quảng Nam và thành phố Đà Nẵng.
34	Phường Hòa An	1	1			Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Bổ trí làm trụ sở khối Đảng, mặt trận, đoàn thể phường An Khê (mới)
35	Phường Hòa Phát	1	1			Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Bổ trí làm trụ sở công an, trạm y tế, đơn vị sự nghiệp cấp xã hoặc các cơ quan, đơn vị cấp thành phố khi hợp nhất tỉnh Quảng Nam và thành phố Đà Nẵng.
36	Phường Hoà Xuân	1	1			Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Bổ trí làm trụ sở khối chính quyền phường Hòa Xuân (mới)
37	Xã Hòa Châu	1	1			Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Bổ trí làm trụ sở khối Đảng, mặt trận, đoàn thể phường Hòa Xuân (mới)
38	Xã Hòa Phước	1	1			Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Bổ trí làm trụ sở công an, trạm y tế, đơn vị sự nghiệp cấp xã hoặc các cơ quan, đơn vị cấp thành phố khi hợp nhất tỉnh Quảng Nam và thành phố Đà Nẵng.
39	Xã Hòa Sơn	1	1			Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Bổ trí làm trụ sở công an, trạm y tế, đơn vị sự nghiệp cấp xã hoặc các cơ quan, đơn vị cấp thành phố khi hợp nhất tỉnh Quảng Nam và thành phố Đà Nẵng.

Số TT	Tên cấp xã	Số lượng	Phương án sắp xếp, xử lý			Lộ trình					Ghi chú
			Tiếp tục sử dụng	Đôi dư	Phương án khác	2025	2026	2027	2028	2029	
40	Xã Hòa Bắc	1	1			Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Bố trí làm trụ sở công an, trạm y tế, đơn vị sự nghiệp cấp xã hoặc các cơ quan, đơn vị cấp thành phố khi hợp nhất tỉnh Quảng Nam và thành phố Đà Nẵng.
41	Xã Hòa Liên	1	1			Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Bố trí làm trụ sở khối Đảng, mặt trận, đoàn thể phường Liên Chiểu
42	Xã Hòa Phong	1	1			Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Bố trí làm trụ sở công an, trạm y tế, đơn vị sự nghiệp cấp xã hoặc các cơ quan, đơn vị cấp thành phố khi hợp nhất tỉnh Quảng Nam và thành phố Đà Nẵng.
43	Xã Hòa Phú	1	1			Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Bố trí làm trụ sở công an, trạm y tế, đơn vị sự nghiệp cấp xã hoặc các cơ quan, đơn vị cấp thành phố khi hợp nhất tỉnh Quảng Nam và thành phố Đà Nẵng.
44	Xã Hòa Tiến	1	1			Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Bố trí làm trụ sở khối đảng, mặt trận, đoàn thể xã Hòa Tiến (mới)
45	Xã Hòa Khương	1	1			Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Bố trí làm trụ sở khối chính quyền xã Hòa Khương (mới)
46	Xã Hòa Ninh	1	1			Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Bố trí làm trụ sở công an, trạm y tế, đơn vị sự nghiệp cấp xã hoặc các cơ quan, đơn vị cấp thành phố khi hợp nhất tỉnh Quảng Nam và thành phố Đà Nẵng.
47	Xã Hòa Nhơn	1	1			Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Tiếp tục sử dụng	Bố trí làm trụ sở xã Bà Nà (mới)

nguồn

MỤC LỤC

PHẦN I	4
CĂN CỨ CHÍNH TRỊ, PHÁP LÝ VÀ SỰ CẦN THIẾT SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ	4
I. CĂN CỨ CHÍNH TRỊ, PHÁP LÝ	4
II. SỰ CẦN THIẾT SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ CỦA THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG	5
PHẦN II	6
HIỆN TRẠNG ĐVHC CỦA THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG	6
I. THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG	6
1. Diện tích tự nhiên	6
2. Quy mô dân số	6
3. Số lượng ĐVHC cấp huyện	6
4. Số lượng ĐVHC cấp xã	6
II. SỐ LƯỢNG ĐVHC CẤP XÃ THỰC HIỆN SẮP XẾP	6
III. SỐ LƯỢNG ĐVHC CẤP XÃ KHÔNG THỰC HIỆN SẮP XẾP	6
PHẦN III	6
PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ CỦA THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG	6
I. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ	6
1. Điều chỉnh địa giới ĐVHC phường, xã	7
2. Thành lập các phường, xã	7
2.1. Thành lập phường Hải Châu trên cơ sở nhập nguyên trạng 05 phường: Thanh Bình, Thuận Phước, Thạch Thang, Hải Châu, Phước Ninh (thuộc quận Hải Châu hiện nay)	7
2.2. Thành lập phường Hòa Cường trên cơ sở nhập nguyên trạng 04 phường: Bình Thuận, Hòa Thuận Tây, Hòa Cường Bắc, Hòa Cường Nam (thuộc quận Hải Châu hiện nay)	8
2.3. Thành lập phường Thanh Khê trên cơ sở nhập nguyên trạng 05 phường: Xuân Hà, Chính Gián, Thạch Gián, Thanh Khê Đông, Thanh Khê Tây (thuộc quận Thanh Khê hiện nay)	9
2.4. Thành lập phường An Khê trên cơ sở nhập nguyên trạng phường An Khê (thuộc quận Thanh Khê hiện nay) và 02 phường: Hòa An, Hòa Phát (thuộc quận Cẩm Lệ hiện nay)	9
2.5. Thành lập phường An Hải trên cơ sở nhập nguyên trạng 03 phường: Phước Mỹ, An Hải Bắc, An Hải Nam (thuộc quận Sơn Trà hiện nay)	10

2.6. Thành lập phường Sơn Trà trên cơ sở nhập nguyên trạng 03 phường: Thọ Quang, Nại Hiên Đông, Mân Thái (thuộc quận Sơn Trà hiện nay)	11
2.7. Thành lập phường Ngũ Hành Sơn trên cơ sở nhập nguyên trạng 04 phường: Mỹ An, Khuê Mỹ, Hòa Hải, Hòa Quý (thuộc quận Ngũ Hành Sơn hiện nay)	11
2.8. Thành lập phường Hòa Khánh trên cơ sở nhập nguyên trạng 02 phường: Hòa Khánh Nam, Hòa Minh (thuộc quận Liên Chiểu hiện nay) và xã Hòa Sơn (thuộc huyện Hòa Vang hiện nay)	12
2.9. Thành lập phường Liên Chiểu trên cơ sở nhập nguyên trạng phường Hòa Khánh Bắc (thuộc quận Liên Chiểu hiện nay) và xã Hòa Liên (thuộc huyện Hòa Vang hiện nay)	13
2.12. Thành lập phường Hải Vân trên cơ sở nhập nguyên trạng 02 phường: Hòa Hiệp Bắc, Hòa Hiệp Nam (thuộc quận Liên Chiểu hiện nay) và xã Hòa Bắc (thuộc huyện Hòa Vang hiện nay)	14
2.11. Thành lập phường Cẩm Lệ trên cơ sở nhập nguyên trạng 03 phường: Hòa Thọ Tây, Hòa Thọ Đông, Khuê Trung (thuộc quận Cẩm Lệ hiện nay)	15
2.12. Thành lập phường Hòa Xuân trên cơ sở nhập nguyên trạng phường Hòa Xuân (thuộc quận Cẩm Lệ hiện nay) và 02 xã: Hòa Phước, Hòa Châu (thuộc huyện Hòa Vang hiện nay)	15
2.13. Thành lập xã Hòa Vang trên cơ sở nhập nguyên trạng 02 xã: Hòa Phong, Hòa Phú (thuộc huyện Hòa Vang hiện nay)	16
2.14. Thành lập xã Hòa Tiến trên cơ sở nhập nguyên trạng 02 xã: Hòa Tiến, Hòa Khương (thuộc huyện Hòa Vang hiện nay)	17
2.15. Thành lập xã Bà Nà trên cơ sở nhập nguyên trạng 02 xã: Hòa Ninh, Hòa Nhơn (thuộc huyện Hòa Vang hiện nay)	17
3. Hình thành đặc khu Hoàng Sa	18
II. KẾT QUẢ SAU KHI THỰC HIỆN SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ CỦA THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG	18
III. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP TỔ CHỨC BỘ MÁY, BỐ TRÍ ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC, NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ GIẢI QUYẾT CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH KHI THỰC HIỆN SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ	18
1. Phương án và lộ trình sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy cơ quan, tổ chức sau sắp xếp ĐVHC	18
1.1 Phương án sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy cơ quan, tổ chức khối Đảng	19
1.2. Phương án sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy, cơ quan, tổ chức khối Mặt trận, đoàn thể	20
1.3. Phương án sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy, cơ quan, tổ chức khối chính quyền	21

2. Phương án và lộ trình bố trí, sắp xếp cán bộ, công chức, viên chức, người lao động sau sắp xếp ĐVHC 22

3. Phương án và lộ trình giải quyết chế độ, chính sách sau sắp xếp ĐVHC 24

IV. PHƯƠNG ÁN VÀ LỘ TRÌNH SẮP XẾP, XỬ LÝ TRỤ SỞ, TÀI SẢN CÔNG SAU SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ 25

V. TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ TRONG VIỆC SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ 25

1. Đề nghị Thường trực HĐND thành phố 26

2. Đề nghị Ban Tổ chức Thành ủy 26

3. Đề nghị Ban Tuyên giáo và Dân vận Thành ủy 26

4. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố và các tổ chức chính trị - xã hội thành phố 26

5. Các sở, ban, ngành thành phố 26

6. Sở Nội vụ 27

7. Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố 27

8. Công an Thành phố 28

9. Sở Tư pháp 28

10. Sở Xây dựng 28

11. Sở Nông nghiệp và Môi trường 29

12. Sở Tài chính 29

13. Sở Văn hóa và Thể thao 29

14. Sở Khoa học và Công nghệ 29

15. Sở Y tế 29

16. Sở Giáo dục và Đào tạo 29

17. Văn phòng UBND thành phố 30

18. Đề nghị các quận ủy, huyện ủy 30

19. Ủy ban nhân dân các quận, huyện 30

20. UBND các phường, xã 31

VI. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT 31

1. Kết luận 31

2. Kiến nghị, đề xuất 31